

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 334/BC-VNPD

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Năm báo cáo: 2015

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103001110 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/6/2002, đăng ký thay đổi lần 8 số 0101264520 ngày 20/12/2013.
- Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 999.966.710.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 3 - CT1, 583 Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: 04.22131580
- Số fax: 04.35527987
- Website: <http://www.vnpd.com.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có): VPD.
- **Quá trình hình thành và phát triển:**

Ngày 03/6/2002, Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu với 5 cổ đông sáng lập gồm (i) Tổng Công ty điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam); (ii) Tổng Công ty xây dựng số 1- Bộ Xây dựng (Công ty Cổ phần Miền Đông); (iii) Công đoàn Điện lực Việt Nam; (iv) Công ty sản xuất Thiết bị điện (Nay là Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh-Công ty Cổ phần); (v) Công ty Tư vấn Xây dựng điện 2 (nay là Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2). Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Sản xuất, bán điện. Vốn điều lệ đăng ký là 13,7 tỷ đồng.

Năm 2003, Công ty nhận chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Nậm Má (nằm trên địa bàn xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang) từ Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang theo Quyết định số 627/QĐ – UB ngày 04/3/2003 với tổng giá trị chuyển nhượng là 5.040.800.000 đồng. Nhà máy có công suất 3,2 MW gồm 02 tổ máy (mỗi tổ có công suất 1,6 MW). Đây là nhà máy được xây dựng từ những năm 1988-1989 nên đã bị xuống cấp nghiêm trọng, hư hỏng nhiều, thiết bị cũ, mòn, lạc hậu, thường xuyên phải ngừng sản xuất

để sửa chữa. Sau khi nhận chuyển nhượng, Công ty phải đầu tư sửa chữa gần như toàn bộ nhà máy nên mới phát điện trở lại được.

Ngày 19/12/2004, Công ty khởi công xây dựng dự án Nhà máy thủy điện Bắc Bình có công suất 33 MW gồm 02 tổ máy (mỗi tổ có công suất 16,5 MW), tổng mức đầu tư dự kiến là 571 tỷ đồng. Đây là dự án nhóm B và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cho phép đầu tư tại văn bản số 4260/UBBT – XDCB ngày 05/12/2003. Nhà máy bắt đầu phát điện từ ngày 27/10/2009.

Ngày 12/9/2007, Công ty khởi công dự án Nhà máy thủy điện Khe Bô tại huyện Trương Dương, tỉnh Nghệ An có tổng mức đầu tư là 2.973 tỷ đồng, công suất 100 MW, gồm 2 tổ máy (mỗi tổ máy có công suất 50 MW). Đây là dự án nhóm A và được Chính phủ cho phép đầu tư tại văn bản số 1793/TTg – CN ngày 07/11/2006, trong công văn có nêu “Dự án được thực hiện theo Điều 4 Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 09/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù để đầu tư xây dựng các công trình điện cấp bách trong giai đoạn 2006 - 2010”. Tổ máy số 1 phát điện từ ngày 08/5/2013, Tổ máy số 2 phát điện từ ngày 24/8/2013.

Ngày 14/4/2009, Công ty thành lập Trung tâm tư vấn thiết kế trực thuộc Công ty theo Quyết định số 09/QĐ – VNPD – HĐQT. Trung tâm có chức năng nhiệm vụ chính là tư vấn thiết kế các hạng mục công trình do Công ty làm chủ đầu tư, tư vấn cho các đơn vị ngoài với mục đích tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tìm kiếm thêm nguồn thu về cho Công ty.

2. ***Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:***

- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Sản xuất, phân phối, bán điện.	3510(chính)
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn đấu thầu. - Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy điện; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công trình công nghiệp; - Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn đền bù, giải phóng mặt bằng (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);	7110

	- Tư vấn, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 110 KV. Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp;	
	- Tư vấn, giám sát thi công xây dựng (Công trình xây dựng điện đến 220 KV);	
	- Tư vấn xây dựng (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);	
	- Khảo sát địa chất thủy văn, khảo sát địa chất công trình xây dựng, thủy lợi, giao thông;	
	- Tư vấn lập dự án kinh doanh (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn thuế và tài chính);	
3	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; - Sản xuất thiết bị điện;	3290
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản;	6810
5	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ quản lý bất động sản (Không bao gồm môi giới, định giá, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản)	6820
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây lắp công trình điện; - Xây dựng công trình giao thông;	4290
7	Đại lý du lịch Chi tiết: - Dịch vụ phục vụ khách du lịch	7911
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	8299
9	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Buôn bán vật tư, thiết bị điện, thiết bị tin học;	4669
10	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: - Đào tạo nghề cơ khí, điện, điện tử tin học (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); - Dịch vụ xúc tiến việc làm;	8532
11	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ (Không bao gồm kinh	5510

- doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- 12 Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp 3320
Chi tiết: Tư vấn lắp đặt máy móc và thiết bị năng lượng, hướng dẫn vận hành, xử lý sự cố và sửa chữa máy điện;
(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo qui định của Pháp luật).

- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Địa bàn kinh doanh: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đang quản lý 03 nhà máy, 01 Trung tâm tư vấn thiết kế như sau:
 - + Trạm thủy điện Nậm Má tại xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.
 - + Nhà máy thủy điện Bắc Bình tại xã Phan Lâm – Phan Sơn, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.
 - + Nhà máy thủy điện Khe Bô tại xã Tam Quang, huyện Trương Dương, tỉnh Nghệ An.
 - + Trung tâm tư vấn thiết kế: Tầng 3 - CT1, 583 Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

Nguồn thu của Công ty chủ yếu là nhà máy thủy điện Khe Bô, nhà máy thủy điện Bắc Bình và Trạm thủy điện Nậm Má. Tuy nhiên, do nhà máy thủy điện Bắc Bình là bậc thang dưới của thủy điện Đại Ninh và nhà máy thủy điện Khe Bô là bậc thang dưới thủy điện Bản Vẽ nên phụ thuộc vào lưu lượng nước của 02 nhà máy này.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

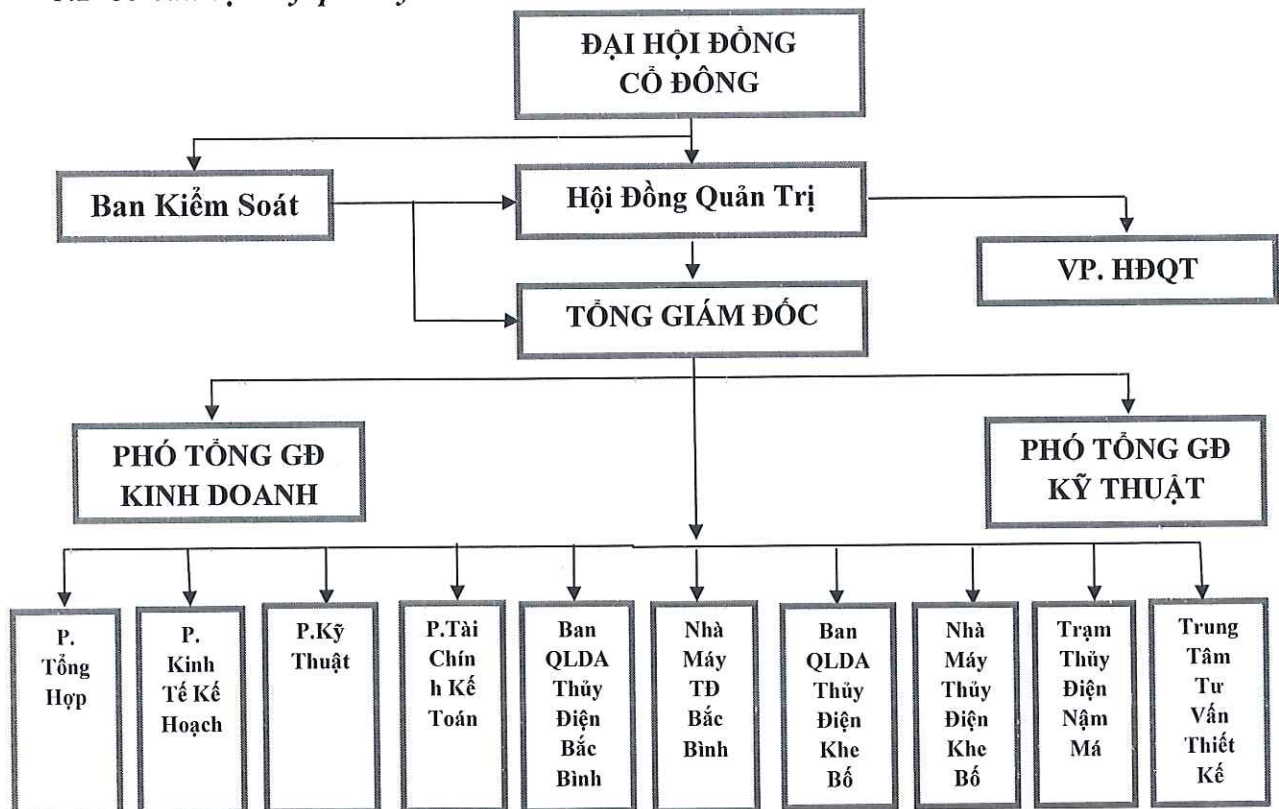
3.1 Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị. Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

- Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên. Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan đưa ra những định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định bộ máy điều hành của Công ty bao gồm: Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và đội ngũ cán bộ quản lý bao gồm: Giám đốc nhà máy, Trưởng ban QLDA. Hội đồng quản trị hiện có 1/5 thành viên hoạt động chuyên trách.
- Tổng Giám đốc: Là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý, điều hành mọi hoạt động trong Công ty, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

- Phó Tổng Giám đốc: Có chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho TGD trong công tác quản lý nguồn vốn, quản trị kinh doanh, kỹ thuật và các phần việc khác do Tổng Giám đốc giao. Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công.
- Kế toán trưởng: Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác quản lý tài chính - kế toán tại đơn vị, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác tài chính – kế toán, quyết toán tài chính, thuế và tình hình thực hiện chế độ quản lý tài chính của Công ty và các đơn vị trực thuộc.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:



3.3 Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty không có công ty con, công ty liên kết

4. Định hướng phát triển:

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đảm bảo sản xuất điện an toàn, ổn định vượt mức kế hoạch được ĐHĐCĐ giao. Thực hiện tốt công tác chào giá điện cạnh tranh của Nhà máy thủy điện Bắc Bình và Nhà máy thủy điện Khe Bó;
- Tiếp tục công tác đào tạo cán bộ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đảm bảo mục tiêu nắm bắt và nhận chuyển giao toàn bộ công nghệ từ nhà thầu Trung Quốc, vận hành các tổ máy một cách độc lập, an toàn và liên tục;
- Sửa chữa thường xuyên các tổ máy của các Nhà máy điện.
- Triển khai các ngành nghề được pháp luật cho phép để tăng doanh thu cho Công ty;

- Tìm kiếm đầu tư dự án thủy điện mới;
- Đầu tư chuyển trụ sở Công ty sang địa điểm mới tại Hà Nội.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Về chiến lược SXKD và đầu tư:

Ngành điện hiện nay vẫn đang là ngành có nhu cầu lớn, lượng điện cung thấp hơn so với nhu cầu tiêu thụ trong nước. Tình trạng thiếu điện tại Việt Nam vẫn thường xuyên diễn ra, đặc biệt là vào mùa khô khi các dự án thủy điện thiếu nước. Bên cạnh đó, với đặc thù của ngành sản xuất điện, chi phí đầu tư vào vận hành các nhà máy điện khá lớn nhưng giá điện thương phẩm còn khá thấp nên rào cản gia nhập thị trường cao. Do đó, đối tượng tham gia thị trường sản xuất điện tại Việt Nam chủ yếu là các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Tổng công ty/ Tập đoàn công nghiệp nặng khác. Việc đầu tư vào ngành điện gần đây được khuyến khích và hỗ trợ rất nhiều từ Chính phủ với nhiều phương án cụ thể như: Hỗ trợ nguồn vốn vay có lãi suất thấp từ các tổ chức quốc tế, từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam, hỗ trợ từ chính sách thuế và đầu tư, hỗ trợ giá nguyên liệu đầu vào và điều chỉnh giá bán điện theo cơ chế thị trường,... Do đó, Ngành điện trong tương lai gần có rất nhiều triển vọng và cơ hội đầu tư.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty là đảm bảo phát điện an toàn, có hiệu quả các nhà máy điện Công ty đang quản lý và tiếp tục đầu tư các dự án điện mới có hiệu quả kinh tế cao.

- Về triển vọng điều chỉnh giá bán điện:

Hiện nay, sau nhiều lần tăng giá điện thì giá bán lẻ điện của Việt Nam hiện ở mức 1.622,01 đồng/kWh (chưa có VAT) (tương đương 7,7 cent/kWh) hiện đang thấp hơn so với khu vực (bình quân trên 10 cent/kWh). Do đó, trong tương lai giá bán điện có khả năng sẽ được chính phủ cho phép tăng nhằm mục tiêu chuẩn bị cho quá trình xây dựng thị trường điện cạnh tranh và khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực điện năng.

Công ty đã trình Tổng Cục Năng lượng hiệu chỉnh lại điện lượng bình quân nhiều năm của Nhà máy thủy điện Bắc Bình, Tổng Cục Năng lượng đang thẩm tra. Hồ sơ đàm phán lại giá điện theo thông tư 56/2014/TT-BCT của Bộ Công Thương, Công ty đã chuẩn bị xong. Sau khi được phê duyệt điều chỉnh lại điện lượng Công ty sẽ đề nghị EVN, Cục Điều tiết Điện lực, Công ty Mua bán điện đàm phán lại giá điện Nhà máy Bắc Bình.

Trong quý 2 năm 2016, Công ty sẽ trình Tổng Cục Năng lượng hiệu chỉnh lại điện lượng bình quân nhiều năm của Nhà máy thủy điện Khe Bó. Sau khi được phê duyệt điều chỉnh lại điện lượng Công ty sẽ đề nghị EVN, Cục Điều tiết Điện lực, Công ty Mua bán điện đàm phán lại giá điện Nhà máy Khe Bó.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Công ty đã thực hiện tốt công tác đền bù di dân tái định cư công trình thủy điện Khe Bó và Bắc Bình. Đảm bảo đời sống nhân dân tái định cư tại nơi ở mới tốt hơn nơi ở cũ, được chính quyền địa phương của các Nhà máy ghi nhận và đánh giá tốt.

Trong quá trình triển khai dự án thủy điện Khe Bó và Bắc Bình, Công ty đã thực hiện đúng các quy định của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bên cạnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty luôn thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Nộp thuế tài nguyên nước, phí môi trường rừng, nộp tiền trồng rừng, luôn đóng góp tích cực cho các hoạt động xã hội, đền ơn đáp nghĩa.

5. Các rủi ro:

- Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy điện, thì diễn biến thời tiết ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động. Đây là một rủi ro đặc thù đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy điện. Lượng mưa là một trong những nhân tố chính ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của các công ty này. Trước sự biến đổi khí hậu, công việc dự báo thời tiết trở nên khó khăn hơn, từ đó ảnh hưởng việc dự báo và kế hoạch lợi nhuận của các công ty thủy điện. Với vị trí địa lý nằm ở khu vực nhiệt đới gió mùa ẩm, lượng mưa hàng năm lớn Việt Nam có yếu tố thuận lợi để phát triển thủy điện tuy nhiên những khó khăn trong việc dự báo thời tiết dẫn đến một rủi ro trong ngành này đó là việc đánh giá sai nguồn nước của các hồ thủy điện; khi thì các hồ trong tình trạng mực nước xuống thấp thậm chí cạn kiệt khi mùa khô kéo dài, nhưng khi xảy ra mưa lũ mực nước dâng cao nhanh chóng vượt quá sức chịu đựng của các đập thủy điện dẫn đến việc phải tiến hành xả lũ.
- Bên cạnh đó, do 02 nhà máy lớn của Công ty là Nhà máy thủy điện Khe Bó và Nhà máy thủy điện Bắc Bình chỉ điều tiết 02 ngày và phụ thuộc vào các nhà máy bậc thang trên là Nhà máy thủy điện Bản Vẽ đối với Nhà máy thủy điện Khe Bó và Nhà máy thủy điện Đại Ninh đối với Nhà máy thủy điện Bắc Bình, do đó việc phát điện không được chủ động đặc biệt khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh. Hơn nữa, việc vận hành còn phụ thuộc vào lệnh điều độ từ Trung tâm điều độ Hệ thống điện quốc gia (Ao).

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2015 của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên ngày 24/4/2015. Kết quả thực hiện đến 31/12/2015 với các chỉ tiêu chủ yếu sau đây:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	% HTKH
1	Sản lượng điện thương phẩm	kWh	530.000.000	433.044.416	81,71

1.1	Nậm Má	kWh	10.000.000	11.858.198	118,58%
1.2	Bắc Bình	kWh	110.000.000	77.400.618	70,36%
1.3	Khe Bô	kWh	410.000.000	343.785.600	83,85%
2	Đầu tư xây dựng	Đồng	209.827.202.895	167.025.123.279	79,60%
2.1	Đầu tư xây dựng các công trình	Đồng	202.622.234.895	166.985.743.279	82,41%
2.2	Đầu tư từ quỹ Đầu tư phát triển	Đồng	7.204.968.000	39.380.000	0,55%
3	Doanh thu	Đồng	516.155.980.000	441.544.378.271	85,54%
3.1	Doanh thu sản xuất điện	Đồng	513.855.980.000	439.860.619.947	85,60%
3.2	Doanh thu, thu nhập khác	Đồng	2.300.000.000	1.683.758.324	73,21
4	Chi phí	Đồng	418.144.183.057	396.369.834.011	94,79%
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	77.934.770.677	43.378.137.691	55,66%
6	Cổ tức	%	9,00%	7,5%	83,33%

Ghi chú: Cổ tức năm 2015 bao gồm cả phần chia thặng dư vốn 2,5%.

Tình hình thực hiện năm 2015 so với kết quả thực hiện hiện năm 2014 như sau:

TT	Nội dung KH	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	So sánh (%)
1	Sản lượng điện thương phẩm	kWh	530.789.462	433.044.416	81,58%
	- Thuỷ điện Nậm Má	kWh	12.283.649	11.858.198	96,54%
	- Thuỷ điện Bắc Bình	kWh	109.236.373	77.400.618	70,86%
	- Thuỷ điện Khe Bô	kWh	409.269.440	343.785.600	84,00%
2	Đầu tư xây dựng các công trình:	đồng	174.311.236.454	167.025.123.279	95,82%
3	Doanh thu:	đồng	522.392.298.447	441.544.378.271	84,52%
3.1	Doanh thu sản xuất điện:	đồng	519.305.889.462	439.860.619.947	84,70%
3.2	Doanh thu, thu nhập khác:	đồng	3.086.408.985	1.683.758.324	54,55%
4	Chi phí :	đồng	434.204.514.430	396.369.834.011	91,29%
6	Lợi nhuận sau thuế:	đồng	71.417.139.546	43.378.137.691	60,74%
7	Cổ tức	%	7,5%	7,5%	100%

Ghi chú: Cổ tức năm 2015 bao gồm cả phần chia thặng dư vốn 2,5%.

1.1 Công tác sản xuất kinh doanh điện:

Trong năm 2015, các nhà máy vận hành an toàn, ổn định theo điều độ của Ao và Điện lực Hà Giang. Đến hết ngày 31/12/2015, Công ty sản xuất được 433.044.416 kWh đạt 81,71% kế hoạch năm. Trong đó:

- Nhà máy Thủy điện Nậm Mả: 11.858.198 kWh, đạt 118,58% kế hoạch năm.
- Nhà máy Thủy điện Bắc Bình: 77.400.618 kWh, đạt 70,36% kế hoạch năm.
- Nhà máy Thủy điện Khe Bô: 343.785.600 kWh, đạt 83,85% kế hoạch năm.

Nguyên nhân không đạt kế hoạch sản lượng là do ảnh hưởng của El Nino gây hạn hán nghiêm trọng, lượng mưa ít, tần suất nước về của Nhà máy thủy điện Khe Bô chỉ đạt 76% so với trung bình thời kỳ 1960 đến 2015, Nhà máy Bắc Bình chỉ đạt 95,7% so với trung bình thời kỳ 1978 đến 2015 nên không đủ nước chạy máy theo thiết kế. Đây là nguyên nhân khách quan bất khả kháng.

Trong quá trình sản xuất điện, Công ty đã thực hiện tốt công tác tối ưu hóa theo chỉ đạo của Tổng Công ty Phát điện 1. Suất tiêu hao nước và điện tự dùng của các nhà máy đã được Công ty sử dụng tiết kiệm tối đa, đều nhỏ hơn so với thiết kế.

1.2. Doanh thu:

Năm 2015 Công ty đã tích cực tham gia thị trường phát điện cạnh tranh nên mặc dù chịu ảnh hưởng của El Nino sản lượng điện chỉ đạt 81,7% nhưng doanh thu của Công ty năm 2015 là 441.544.378.271 đồng, đạt 85,54% kế hoạch, lãi do tham gia thị trường là 17,76 tỷ đồng. Trong đó:

- Doanh thu từ sản xuất điện là: 439.860.619.947 đồng, đạt 85,60% kế hoạch.
- Doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác là 1.683.758.324 đồng, đạt 73,21% kế hoạch.

1.3. Chi phí:

Kế hoạch chi phí năm 2015 được Đại hội đồng cổ đông thông qua với giá trị là 418.144.183.057 đồng. Công ty đã tiết kiệm tối đa chi phí trong quá trình SXKD. Đến hết ngày 31/12/2015, toàn bộ chi phí là 396.369.834.011 đồng (trong đó tỷ trọng chi phí khấu hao, lãi vay 79,88%, Thuế tài nguyên, phí môi trường rừng 9,19%, chi phí tiền lương 6,34% , chi phí khác 4,58%), đạt 94,79% kế hoạch.

1.4. Lợi nhuận và cổ tức:

Đến hết ngày 31/12/2015 lợi nhuận sau thuế đạt 43.378.137.691 đồng / KH là 77.934.770.677 đồng, đạt 55,66% kế hoạch. Năm 2015 Công ty không hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận do ảnh hưởng của Elnino gây hạn hán khiến cho doanh thu sản xuất điện sụt giảm so với kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế năm 2014 còn lại chưa chia là 17 tỷ đồng, nên Công ty dự kiến mức cổ tức năm 2015 là 5% bằng tiền mặt và phát hành 2,5% cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, đạt 83,33% kế hoạch.

1.5. Công tác quản lý tài chính:

Trong năm 2015, tình hình sản lượng điện sản xuất và doanh thu sản xuất điện của các Nhà máy không đạt được theo kế hoạch do ảnh hưởng của hiện tượng El nino. Để tháo gỡ khó khăn về tài chính, cân đối ổn định dòng tiền và tiết kiệm chi phí tài chính, Công ty đã tiến hành thực hiện tái cơ cấu lại các khoản vay dài hạn đối với các Ngân hàng và xin miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thủy điện Khe Bô. Cụ thể như sau:

1.5.1. Dự án thủy điện Khe Bó:

a) Tái cơ cấu khoản vay tại Vietinbank – Chi nhánh Hà Nội sang BIDV – Chi nhánh Tây Hồ:

Thực hiện Nghị quyết số 791/NQ-VNPD-HĐQT ngày 28/04/2015 của HĐQT, Công ty đã thực hiện ký kết Hợp đồng tín dụng số 02/2015/7757730/HĐTD ngày 26/08/2015 với BIDV – Chi nhánh Tây Hồ để thực hiện tái tài trợ khoản dư nợ vay 247,2 tỷ đồng tại Vietinbank – Chi nhánh Hà Nội với lãi suất vay thay đổi từ lãi suất 10,5%/năm sang BIDV-Chi nhánh Tây Hồ với lãi suất 8,9%/năm. Công ty đã giảm được số tiền lãi 8,55 tỷ đồng.

Mặt khác với việc tái cơ cấu khoản vay này đã giảm được áp lực trả nợ gốc hàng năm 17,2 tỷ đồng, tạo được sự ổn định hơn về dòng tiền.

b) Tái cơ cấu khoản vay tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Nghệ An sang TPbank – Chi nhánh Tây Hà Nội:

Thực hiện Nghị quyết số 1189/NQ-VNPD-HĐQT ngày 02/12/2015 của HĐQT, Công ty đã thực hiện ký kết Hợp đồng tín dụng số 93 - 21.08.15/HĐTD/TPBANK.THN với TPbank - CN Tây Hà Nội. Khoản vay này là chuyển 55,642 tỷ đồng hạn mức vốn vay của Hợp đồng tín dụng số 07/2013/HĐTDĐT-NHPT ngày 28/2/2013 đã ký giữa Công ty và Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Nghệ An với lãi suất thỏa thuận 11%/năm sang vay tại TPbank – Chi nhánh Tây Hà Nội với lãi suất áp dụng hiện tại là 8,93%/năm.

c) Trả nợ gốc đối với khoản vay áp dụng lãi suất cao trước, lãi suất thấp trả sau của Hợp đồng tín dụng số 70/2008/HĐTD ngày 8/3/2008 giữa Công ty và Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Nghệ An:

Đến 30/09/2015, dư nợ gốc của Công ty đối với Hợp đồng tín dụng số 70/2008/HĐTD vay tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Nghệ An là 1.225,552 tỷ đồng (trong đó khoản vay trước 884,735 tỷ đồng lãi suất 6,9%/năm; khoản vay sau 340,817 tỷ đồng lãi suất 10,5%/năm). Theo quy định của Ngân hàng, khoản vay trước sẽ thực hiện trả nợ gốc trước. Nếu thực hiện trả nợ như Ngân hàng quy định, đến thời điểm trả hết nợ gốc tháng 11/2020, Công ty sẽ phải trả chi phí lãi vay là 325,393 tỷ đồng.

Để tiết kiệm chi phí và ổn định Tài chính, ngày 12/10/2015, Công ty đã có văn bản số 984/VNPD-TCKT đề xuất với Ngân hàng Phát triển Việt Nam chấp thuận cho Công ty được thực hiện trả nợ gốc trước đối với khoản vay áp dụng lãi suất 10,5%/năm.

Ngày 24/11/2015, Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã có văn bản số 4236/NHPT-TĐĐT chấp thuận. Với phương án này, đến khi trả hết nợ gốc tháng 11/2020 Công ty sẽ giảm được khoảng 43,06 tỷ đồng chi phí lãi vay so với phương án trả nợ gốc theo quy định của Ngân hàng.

d) Xin miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thủy điện Khe Bó:

Công ty đã làm việc với Tổng cục thuế và Cục thuế Hà Nội về việc ưu đãi Thuế TNDN của Nhà máy thủy điện Khe Bó. Ngày 21/10/2015, Cục thuế Hà Nội đã có Văn bản chấp thuận cho Nhà máy thủy điện Khe Bó được miễn thuế TNDN trong năm 2015, 2016 và được giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Do đó, trong năm 2015, Công ty không phải nộp thuế TNDN của Nhà máy khoảng 7,8 tỷ đồng.

1.5.2. Dự án thủy điện Bắc Bình:

Đến 31/11/2015, Dự nợ vay của Công ty tại Ngân hàng No&PTNT - CN Nam Hà Nội là 64,847 tỷ đồng, với lãi suất là 9,6%/năm. Thời điểm và mức trả nợ gốc cho Ngân hàng là: ngày 25/12/2015 trả 20 tỷ đồng; ngày 25/06/2016 trả 20 tỷ đồng và ngày 25/12/2016 trả 24,847 tỷ đồng.

Thực hiện Nghị quyết số 1167/NQ-VNPD-HĐQT ngày 27/11/2015 của HĐQT, Công ty đã thực hiện cơ cấu lại khoản vay này để sang vay tại TPbank – Chi nhánh Tây Hà Nội, với lãi suất hiện tại là 8,93%/năm. Thời điểm và mức trả nợ gốc là ngày 25/12/2015 trả 4 tỷ đồng; ngày 25/06/2016 trả 7,550 tỷ đồng và 25/12/2016 trả 7,550 tỷ đồng.

Như vậy, với việc tái cơ cấu khoản vay này, Công ty vừa giảm được chi phí lãi vay, vừa giảm được 45,747 tỷ đồng mức trả nợ gốc trong năm 2015 và năm 2016, tạo được sự an toàn về dòng tiền trả nợ của Công ty đối với các Ngân hàng trong bối cảnh năm 2015, 2016 các Nhà máy của Công ty chịu sự ảnh hưởng của El nino.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

- 1/. Ông Nguyễn Thanh Tùng - Tổng Giám đốc
- 2/. Bà Nguyễn Bích Liên - Phó Tổng Giám đốc tài chính
- 3/. Ông Phạm Đình Lê - Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật
- 4/. Ông Nguyễn Tùng Phương - Kế toán trưởng

Tóm tắt lý lịch cá nhân trong Ban điều hành:

❖ Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Số CMND: 011372396 do CA Hà Nội cấp 31/5/2010
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 06/07/1962
- Nơi sinh: Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Thụy Hương, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 39, tổ 01, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Nơi ở hiện nay: A2, lô 5, khu đô thị Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.22131580
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Công trình thủy điện
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- + Tháng 10/1986 đến tháng 7/2002: Công tác tại Đoàn thiết kế 1 – Công ty Tư vấn xây dựng điện 1, làm Tổ trưởng tổ thiết kế thi công và dự toán, phó chủ nhiệm thiết kế thủy điện Đại Thị (sau đổi tên là Tuyên Quang) giai đoạn tiền khả thi, Chủ nhiệm đề án thiết kế thủy điện Nale (sau đổi tên là Bắc Hà).
- + Từ tháng 7/2002 đến tháng 11/2002: Công tác tại Ban quản lý dự án thủy điện Sơn La, làm Phó phòng kỹ thuật.
- + Từ tháng 11/2002 đến tháng 2/2004: Công tác tại Ban quản lý dự án thủy điện 1, làm Trưởng phòng kỹ thuật.
- + Từ tháng 02/2004 đến tháng 01/2008: Công tác tại Ban quản lý dự án thủy điện 1, làm Phó Trưởng ban quản lý dự án thủy điện 1, phó bí thư chi bộ.
- + Từ tháng 02/2008 đến tháng 4/2012: Làm Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
- + Từ tháng 4/2012 đến nay: Thành viên HĐQT chuyên trách kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
 - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Số cổ phần đại diện sở hữu: 18.321.875 cổ phần
 - Số cổ phần cá nhân sở hữu: 282.813 cổ phần, chiếm 0,0283% Vốn Điều lệ
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
 - Những khoản nợ đối với Công ty: Không.
 - Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Lương và thù lao HĐQT

❖ **Bà Nguyễn Bích Liên**

- Số CMND: 012987955 do CA Hà Nội cấp ngày 18/8/2007
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 22/01/1961
- Nơi sinh: Bệnh viện Tp. Nam Định, tỉnh Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vụ Bản, Nam Định, tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Tổ 5, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.22131580
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

- + Từ 1984-1988: Kế toán viên-Sở Điện lực Hà Nam Ninh.
- + Từ 1989-1995: Kế toán tổng hợp-Sở Điện lực Hà Nam Ninh.
- + Từ 1995-1996: Phó phòng Kế toán-Điện lực Nam Hà
- + Từ 1997-tháng 10/2004: Trưởng phòng Tài chính kế toán Điện lực Hà Nam
- + Từ 11/2004-tháng 3/2007: Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
- + Từ tháng 3/2007 đến tháng 6/2011: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
- + Từ tháng 6/2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Công ty cổ phần phát triển điện lực Việt Nam.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 62.248 cổ phần, chiếm 0,0623% vốn điều lệ.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Lương và phụ cấp.

❖ **Ông Phạm Đình Lê**

- Họ và tên: PHẠM ĐÌNH LÊ
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/01/1978
- Số CMND: 030078000112 cấp ngày 09/9/2014; Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Nơi sinh: Lam Sơn, Thanh Miện, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: P405, N1 Chung cư Z157, Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất công trình
- Quá trình công tác:
- + Từ 01/10/2000 đến 01/9/2002: Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam
- + Từ 01/9/2002 đến 19/11/2002: Công ty Xây dựng nền móng JIKON

- + Từ 19/11/2002 đến 28/02/2007: Ban Quản lý dự án Thủy điện 1
- + Từ tháng 01/3/2007 21/02/2008: Phó Giám đốc các Trung tâm IPC, BIM, GMEC-Công ty CP phát triển Đầu tư HAFICO GROUP
- + Từ 22/02/2008 đến 31/03/2008: Chuyên viên phòng kỹ thuật-Công ty CPPT Điện lực Việt Nam
- + Từ 01/4/2008 đến 30/10/2013: Phó P.Kỹ thuật- Công ty CPPT Điện lực Việt Nam.
- + Từ 31/10/2013 – 07/07/2014: Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty CPPT Điện lực Việt Nam.
- + Từ 08/7/2014 đến nay: Phó Tổng giám đốc- Công ty CPPT Điện lực Việt Nam.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc Công ty CPPT Điện lực Việt Nam
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 200 cổ phần, chiếm 0,0002% vốn Điều lệ.
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Tiền lương Phó TGD
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

❖ Ông Nguyễn Tùng Phương

- Số CMND: 001077003431 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 25/11/2014
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/3/1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đông Lao – Hoài Đức – Hà Tây (Hà Nội)
- Địa chỉ thường trú: Phố Yên Bình – phường Phúc La – Hà Đông – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.22131577
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - + Từ 9/1999 - 10/2002: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Ban QLCBĐT Dự án nhà máy thủy điện Sơn La.
 - + Từ 11/2002 – 02/2006: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Ban QLDATE I.
 - + Từ 3/2006 – 4/2008: Phó phòng Tài chính kế toán Ban QLDA thủy điện I.
 - + Từ 5/2008 – 7/2008: Cán bộ phòng Tài chính Kế toán VNPD.

- + Từ 8/2008 – 12/2013: Phó phụ trách phòng Tài chính kế toán VNPD.
- + Từ 01/2014-7/2014: Trưởng phòng Tài chính kế toán VNPD.
- + Từ 7/2014 đến nay: Kế toán trưởng VNPD
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Lương và phụ cấp.

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2015, Công ty không có thay đổi trong Ban điều hành.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi Doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề đào tạo nhân lực và thực hiện chính sách thu hút, đào tạo lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược Doanh nghiệp.

Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, tổng số CBCNV toàn Công ty là: 142 lao động, cụ thể:

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Trong đó					
			Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Công nhân kỹ thuật	Lái xe	Bảo vệ tạp vụ (Bộ phận khoán)
1	Văn phòng Công ty	46	4	33	2	0	4	3
2	Trạm thủy điện Nậm Má	14	0	5	7	1	0	1
3	Ban QLDA thủy điện Khe Bô	3	0	3	0	0	0	0
4	Nhà máy thủy điện Khe Bô	45	0	18	22	3	2	0
5	Nhà máy thủy điện Bắc Bình	34	0	14	10	7	0	3
	Tổng cộng:	142	4	73	41	11	6	7

2.4. Chính sách liên quan đến người lao động

- Công ty luôn chấp hành đúng các chính sách và quy định của Nhà nước, pháp luật về việc quản lý và sử dụng lao động.

- Là một đơn vị sản xuất kinh doanh điện, vấn đề an toàn trong lao động sản xuất là một yếu tố luôn được Công ty chú trọng đặt lên hàng đầu. Công ty đã ban hành các quy trình, quy định có liên quan đến việc đảm bảo sửa khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động cũng như thường xuyên tổ chức đào tạo, hướng dẫn và theo dõi công tác an toàn lao động tại nơi sản xuất.

- Công ty áp dụng chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi với mục tiêu khuyến khích người lao động, nhất là lao động có kinh nghiệm, lao động có chuyên môn nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty.

- Công ty thường xuyên tổ chức và cử cán bộ đi học tập các khóa học ngắn và dài hạn nhằm nâng cao kiến thức, nghiệp vụ và tay nghề.

Chi tiết xem tại mục 6 phần II

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Công tác đầu tư xây dựng:

Năm 2015, Công ty chỉ thực hiện ĐTXD các hạng mục còn lại của thủy điện Khe Bó và Bắc Bình, các hạng mục khác do khó khăn về vốn nên chưa triển khai, tổng giá trị đã thực hiện là 167.025.123.279 đồng, đạt 79,60% kế hoạch năm. Cụ thể như sau:

3.1.1 Dự án thủy điện Bắc Bình:

Công tác quyết toán vốn đầu tư xây dựng đã hoàn thành.

Trong năm 2015, Công ty tập trung ĐTXD hạng mục còn lại là Khu nhà ở và làm việc của CBCNV. Giá trị đầu tư xây dựng thực hiện là 24.912.900.000 đồng, đạt 98,81% kế hoạch năm.

3.1.2. Dự án Nhà máy thủy điện Khe Bó:

Trong năm 2015, đã hoàn thành về cơ bản các hạng mục công trình. Giá trị đầu tư xây dựng của dự án trong năm 2015 là 141.992.843.279 đồng, đạt 91,96% kế hoạch năm. Cụ thể như sau:

a) Công tác xây dựng công trình chính:

- Công tác thi công xử lý sạt trượt vai trái: Đã hoàn thành.
- Nạo vét kênh xả hạ lưu nhà máy: Đã đo vẽ địa hình khu vực hạ lưu nhà máy, chưa triển khai thi công.
- Khu nhà ở và làm việc của CBCNV: Đang triển khai thiết kế.
- Công ty đã hoàn thành cơ bản quyết toán các hạng mục xây dựng công trình chính.

b) Công tác hoàn chỉnh thiết bị công trình chính:

- Lắp đặt đôi trọng gang cho cửa nhận nước: Đã hoàn thành.
- Xử lý so lệch hai móc cầu 17,5 tấn của cần trục chân dê 90 tấn: Đã hoàn thành.

- Công ty đã hoàn thành cơ bản quyết toán các hạng mục thiết bị công trình chính.

c) Công tác đền bù tái định cư:

- Công tác đền bù: Tiếp tục thực hiện công tác đền bù đất.

- Công tác tái định cư: Đang triển khai thi công các mặt đường vào các khu tái định cư. Công tác thiết kế các đường nội vùng trong các khu tái định cư đã hoàn thành, sẽ thi công hoàn thiện trong năm 2016.

- Công tác xử lý sạt trượt QL7: đã thi công xong phần nền đường, hiện đã đổ được 600m/700m mặt đường bê tông. Trong mùa mưa năm 2015, một số vị trí bị sạt lở, Công ty đã yêu cầu tư vấn thiết kế để hoàn thiện trước mùa mưa năm 2016.

- Đang phối hợp với Huyện Tương Dương để tiến hành công tác quyết toán các công việc đã hoàn thành.

d) Nghiên cứu dự án đầu tư mới:

Công ty đang nghiên cứu một số dự án, nếu hiệu quả kinh tế tài chính tốt sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông phương án đầu tư. Hiện nay, UBND tỉnh Thanh Hóa đã có văn bản cho phép Công ty nghiên cứu bậc thang thủy điện trên Sông Luồng.

e) Chuyển trụ sở làm việc của Công ty:

Trong năm 2015 do ảnh hưởng của El nino sản lượng điện thấp nên HĐQT Công ty tạm thời chưa triển khai theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3.2. Đầu tư từ Quỹ đầu tư phát triển:

Năm 2015 do doanh thu thấp dòng tiền chỉ đủ trả gốc lãi ngân hàng nên Công ty chỉ thực hiện giá trị công tác đầu tư phát triển là 39.380.000 đồng, đạt 0,55% KH năm.

3.3. Các Công ty con, công ty liên kết: Công ty không có công ty con, công ty liên kết

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	3.117.980.698.629	2.877.032.928.256	-7,73%
Doanh thu thuần	519.305.889.462	440.635.451.231	-15,15%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	88.845.382.834	45.491.840.637	-48,80%
Lợi nhuận khác	(657.598.817)	(317.296.377)	-51,75%
Lợi nhuận trước thuế	88.187.784.017	45.174.544.260	-48,77%
Lợi nhuận sau thuế	71.417.139.546	43.378.137.691	-39,26%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	63,57%	100%	57,3%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	0,50	0,37	
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - HTK)/Nợ ngắn hạn	0,49	0,36	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,67	0,62	
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,99	1,61	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/HTK bình quân)	89,45	92,30	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,17	0,15	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,14	0,10	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,07	0,04	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	0,022	0,015	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,17	0,10	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 99.996.671 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: 100% Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 99.996.671 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Công ty không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng

5.2. Cơ cấu cổ đông: Tính đến 31/12/2015, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

a) Cổ đông nhà nước

Tổng số cổ đông Nhà nước: 01 cổ đông, nắm giữ 36.643.750 CP, tương ứng 36,64% vốn cổ phần. Cụ thể là: Tổng Công ty Phát điện 1, địa chỉ: Khu 6, phường Quang Trung, Ưông Bí, Quảng Ninh.

b) Cổ đông trong nước

- Tổng số cổ đông trong nước: 7.051 cổ đông, nắm giữ 99.968.031 cổ phần, chiếm 99,97% tổng số cổ phần, trong đó:
 - + Tổ chức: 11 cổ đông nắm giữ 63.396.925 cổ phần chiếm 63,4% tổng số cổ phần;

- + Cá nhân: 7.040 cổ đông nắm giữ 36.571.106 cổ phần chiếm 36,57% tổng số cổ phần.
- Cổ đông lớn: 03 cổ đông, nắm giữ 59.611.612 cổ phần, chiếm 59,61% vốn điều lệ, cụ thể:

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Phát điện 1	Khu 6, P. Quang Trung, Tp. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	36.643.750	36,64
2	Công Ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại	Phường Phả Lại, Thị Xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	10.611.312	10,61
3	CTCP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	362/14 Ung Văn Khiêm, P25, Q. Bình Thạnh, Tp HCM	12.356.550	12,36
Tổng cộng			59.611.612	59,61

c) *Cổ đông nước ngoài*

Tổng số cổ đông nước ngoài: 01 cổ đông, nắm giữ 28.640 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn cổ phần.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2015, Công ty đã hoàn tất công tác phát hành và chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận chào bán số 51/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/07/2015. Kết quả phát hành và chào bán cổ phiếu ra công chúng đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận tại công văn số 7488/UBCK-QLPH ngày 01/12/2015, cụ thể như sau:

Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 9.190.207 cổ phiếu, chiếm 99,96% tổng số cổ phiếu được phép phát hành và chào bán. Trong đó:

- Phân phối cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn thặng dư vốn cổ phần: 2.266.832 cổ phiếu, chiếm 99,85% cổ phiếu được phép phát hành.

- Phân phối cho cổ đông hiện hữu với giá mua 10.000 đồng/cổ phiếu theo tỷ lệ 7,6243%: 2.933.921 cổ phiếu, chiếm 42,38% tổng số cổ phiếu được phép chào bán.

- Phân phối tiếp cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết cho các đối tượng khác theo Nghị quyết HĐQT số 1111/NQ-VNPD-HĐQT ngày 16/11/2015 với giá mua 10.100 đồng/cổ phiếu: 3.989.454 cổ phiếu, chiếm 57,62% tổng số cổ phiếu được phép chào bán.

- Tổng số tiền thu từ việc bán cổ phiếu: 69.632.695.400 VNĐ

- Tổng chi phí : 157.770.960 đồng

Trong đó: Phí Tư vấn : 77.000.000 đồng (bao gồm VAT)

Lệ phí cấp giấy phép: 20.000.000 đồng

Chi phí khác (Chi phí đăng báo và chi phí gửi thư thông báo cho cổ đông về thông tin đợt phát hành): 60.770.960 đồng

- Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 69.474.924.440 đồng

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Đánh giá hệ số khả dụng, suất tiêu hao nhiên liệu, nước. Phân tích, đánh giá, so sánh với định mức quy định:

Đối với nhà máy thủy điện một trong các chỉ tiêu quan trọng để đánh giá hiệu quả vận hành là suất tiêu hao nước (lượng nước để sản xuất ra 1kWh điện năng). Công ty VNPD đang quản lý ba nhà máy thủy điện: Khe Bó (100MW), Bắc Bình (33MW) và Nậm Mả (3,2MW). Đặc điểm chung của các nhà máy là không có hồ điều tiết (Nậm Mả), hoặc có hồ chứa điều tiết ngày đêm (Bắc Bình; Khe Bó). Để tiết kiệm tối đa lượng nước chạy máy VNPD đã chỉ đạo các nhà máy tập trung duy trì mực nước hồ chứa ở mực nước cao nhất, hạn chế tối đa làm việc ở mực nước chết và luôn chào giá trong phạm vi công suất mà vùng làm việc của tuabin ở hiệu suất cao (Bắc Bình; Khe Bó). Cụ thể suất tiêu hao nước của các nhà máy năm 2015 như sau:

Suất tiêu hao nước	ĐV	Định mức	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm
- Thủy điện Nậm Mả	m3/kWh	5.1	5.1	5.1	5.1	5.1	5.1
- Thủy điện Bắc Bình	m3/kWh	6.3	6.3	6.3	6.3	6.3	6.3
- Thủy điện Khe Bó	m3/kWh	17.4	17.4	17.4	17.4	17.4	17.4

6.2. Đánh giá nhận xét chung về tình hình nước về:

- Thủy điện Khe Bó: Năm 2015 là năm nước dưới trung bình. Lưu lượng nước về hồ bình quân cả năm đạt 204,5 m3/s.

- Thủy điện Bắc Bình: Năm 2015 là năm nước dưới trung bình. Lưu lượng nước về hồ bình quân cả năm đạt 18,2 m3/s.

- Thủy điện Nậm Mả: Năm 2015 là năm nước trung bình. Lưu lượng nước về hồ bình quân cả năm đạt 1,57 m3/s.

6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Ý thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, Công ty luôn chấp hành đúng, đủ các quy định về bảo vệ môi trường (Nộp thuế môi trường rừng, thuế tài nguyên nước, thực hiện đúng các quy định về an toàn đập, quy trình vận hành hồ chứa, an toàn cháy nổ...), cũng như đảm bảo môi trường sản xuất an toàn, xanh sạch.

Trong năm 2015, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

6.4. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Lao động bình quân trong năm 2015: 147 lao động;

- Mức lương trung bình: 13.569.934 đồng/người/tháng;

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi của người lao động

- Là một đơn vị sản xuất kinh doanh điện, vấn đề an toàn trong lao động sản xuất là một yếu tố luôn được Công ty chú trọng đặt lên hàng đầu. Công ty đã ban hành một số các quy trình, quy định có liên quan đến việc đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động như: Quy định về an toàn vệ sinh lao động, Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy định về thực hành tốt 5S. Ngoài ra Công ty còn duy trì hàng năm việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động toàn Công ty;

- Công ty áp dụng chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi với mục tiêu nhằm khuyến khích người lao động, nhất là lao động có kinh nghiệm, lao động có chuyên môn nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty.

c. Hoạt động đào tạo:

Công ty đã bố trí cho CBCNV tham gia các khóa học bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do EVN, EVNGENCO1 và một số cơ quan có liên quan tổ chức, cụ thể như sau:

- Lớp đào tạo Nghệ thuật lãnh đạo;
- Lớp đào tạo cán bộ quản lý;
- Tập huấn công tác thực thi văn hóa doanh nghiệp;
- Đào tạo, bồi dưỡng chính sách lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội;
- Đào tạo “Quản lý môi trường”;
- Khóa tập huấn pháp luật năm 2015;
- Đào tạo tập huấn về Thị trường phát điện cạnh tranh;

- Tổ chức huấn luyện an toàn phòng chống cháy nổ và phòng chống lụt bão cho CBCNV vận hành của các nhà máy.

- Tìm kiếm các lớp đào tạo văn bằng 2 hệ thống điện và một số chuyên môn nghiệp vụ khác cho một số CBCNV của nhà máy cho phù hợp với yêu cầu SXKD điện.

- Cử CBCNV tham gia lớp tập huấn cập nhật chế độ kế toán mới, các chế độ, chính sách về lao động, tiền lương do EVN tổ chức ...

6.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn cố gắng tham gia các hoạt động của cộng đồng địa phương, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tình hình thực hiện đến 31/12/2015 so với KH năm 2015:

Chi tiết xem tại mục 1 phần II.

Những tiến bộ của Công ty đạt được:

- + Công ty đã tham gia thị trường điện cạnh tranh làm tăng thêm doanh thu cho Công ty 17,76 tỷ đồng.
- + Công ty đã thực hiện xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm và kế hoạch quản lý dòng tiền năm sau để chủ động trong công tác quản lý tài chính, đảm bảo dòng tiền của Công ty ổn định.
- + Đã rà soát lại định biên của các phòng, ban Công ty và các đơn vị để bổ sung các nhân sự có năng lực trình độ, tuyển dụng một số trường ca, điều hành viên giỏi; triển khai đào tạo chuyên môn hệ thống điện văn bằng 2 cho CBCNV hệ kỹ thuật từ Công ty đến các đơn vị nhằm đáp ứng công tác SXKD điện theo đề án tổ chức đã được duyệt; tổ chức cho CBCNV tham gia các lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn.
- + Xây dựng, hoàn thiện và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành của Công ty; hoàn thành xây dựng, rà soát các quy trình vận hành.
- + Triển khai áp dụng hệ thống 5S và KPIs nhằm nâng cao hiệu suất lao động trong Công ty.
- + Đẩy mạnh công tác phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật tự thực hiện các công việc các nhà máy có thể làm được, giảm bớt thuê ngoài, chú trọng công tác vệ sinh, an toàn lao động nhằm nâng cao năng suất lao động và SXKD điện an toàn và hiệu quả.
- + Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị thường xuyên, theo định kỳ các thiết bị; rà soát danh mục, chủng loại các vật tư dự phòng cần thiết tối thiểu cho quá trình sản xuất điện của các Nhà máy; thực hiện mua sắm trước đối với những vật tư thiết yếu hoặc những vật tư có nguy cơ hư hỏng (phát hiện khi kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị) để sẵn có vật tư thay thế khi sửa chữa thường xuyên hoặc khi có sự cố xảy ra.
- + Thực hiện nghiêm túc các chỉ tiêu tối ưu hóa chi phí do Genco1 giao; có các biện pháp giảm tỉ lệ điện tự dùng, điện văn phòng: Sử dụng hệ thống chiếu sáng và thông gió hợp lý, sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện inverter, tắt các thiết bị điện nếu không sử dụng.
- + Công ty đã xây dựng quy chế tiền lương áp dụng trong toàn Công ty gắn với hiệu quả SXKD và năng lực, hiệu quả lao động phát huy tích cực trong sản xuất, cụ thể: Giao kế hoạch lương từng quý ứng với sản lượng, doanh thu đạt được, quy chế lương có quy định về hệ số năng lực, hệ số hiệu quả công việc (chất lượng công việc, thời gian hoàn thành, kỷ luật lao động...).
- + Hoàn thành công tác phát hành cổ phiếu ra công chúng, cụ thể: Công ty đã hoàn tất công tác phát hành và chào bán cổ phiếu ra công chúng và được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kết quả tại công văn số 7488/UBCK-QLPH ngày 01/12/2015 chấp nhận kết quả phát hành và chào bán thành công 9.190.207 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam trong đó phát hành

2.266.832 cổ phiếu theo tỷ lệ 2,5%, bán cho cổ đông hiện hữu 2.933.921 cổ phiếu theo tỷ lệ 7,6243% với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu và bán 3.989.454 cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không chào bán hết cho các đối tượng khác với mệnh giá 10.100 đồng/cổ phiếu. Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 69.474.924.440 đồng.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản thông qua bảng so sánh sau:

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2014		Tăng/Giảm	% Tăng/Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		
A. Tài sản ngắn hạn	149.953.794.203	5,21%	228.627.680.096	7,33%	(78.673.885.893)	-34,41%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	51.682.608.595	1,80%	81.145.815.709	2,60%	(29.463.207.114)	-36,31%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	0,00%	5.000.000.000	0,16%	(5.000.000.000)	-100,00%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	95.732.935.256	3,33%	139.635.409.397	4,48%	(43.902.474.141)	-31,44%
IV. Hàng tồn kho	2.262.929.389	0,08%	2.788.366.108	0,09%	(525.436.719)	-18,84%
V. Tài sản ngắn hạn khác	275.320.963	0,01%	58.088.882	0,00%	217.232.081	373,96%
B. Tài sản dài hạn	2.727.079.134.053	94,79%	2.889.353.018.533	92,67%	(162.273.884.480)	-5,62%
I. Tài sản cố định	2.705.570.579.890	94,04%	2.886.160.770.340	92,57%	(180.590.190.450)	-6,26%
II. Tài sản dở dang dài hạn	15.550.343.334	0,54%	825.798.205	0,03%	14.724.545.129	1783,07%
III. Đầu tư tài chính dài hạn	1.199.402.628	0,04%	1.199.402.628	0,04%	-	0,00%
IV. Tài sản dài hạn khác	4.758.808.201	0,17%	1.167.047.360	0,04%	3.591.760.841	307,76%
Tổng cộng Tài sản	2.877.032.928.256	100%	3.117.980.698.629	100,00%	(240.947.770.373)	-7,73%

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Tăng/Giảm
Tỷ suất đầu tư (TSCĐ/Tổng TS)	0,940	0,926	0,015
Tỷ suất tự tài trợ tài sản cố định (Vốn CSH/TSCĐ)	0,408	0,361	0,046
ROA (LNST/Tổng TS)	0,015	0,023	(0,008)

- Tổng tài sản của Công ty năm 2015 giảm 240,9 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 7,73% so với năm 2014. Trong đó tài sản dài hạn giảm 162,2 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 5,62%, tài sản ngắn hạn giảm 78,6 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 34,4%. Tài sản dài hạn giảm chủ yếu là do tài sản cố định giảm 180,6 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 6,26% do trích khấu hao TSCĐ trong năm. Tài sản ngắn hạn giảm chủ yếu do tiền và các khoản tương đương tiền giảm 29,4 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 36,3% và các khoản phải thu ngắn hạn giảm 43,9 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 31,4%. Trong cơ cấu tài sản đầu năm so với cuối năm đang có sự tăng lên của tài sản dài hạn và giảm tài sản ngắn hạn, sự thay đổi trên thể hiện sự chú trọng của Công ty vào đầu tư, xây dựng tài sản cố định để phù hợp với năng lực sản xuất, phù hợp với định hướng phát triển kinh doanh của Công ty nên đây là một sự thay đổi hợp lý. Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản cũng phản ánh đặc điểm ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Về tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA): Năm 2014 ROA đạt 0,023 lần, năm 2015 đạt 0,015 lần. Tỷ suất ROA cho biết cứ 1 đồng tài sản tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh tạo ra được bao nhiêu lần lợi nhuận sau thuế. Năm 2015 ROA giảm so với năm 2014, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản năm 2015 chưa cao là do điều kiện thời tiết khô hạn kéo dài, sản lượng ở các nhà máy không đạt kế hoạch làm cho lợi nhuận giảm so với năm trước.

b) Tình hình nợ phải trả

Phân tích tình hình nợ phải trả thông qua bảng so sánh sau:

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2014		Tăng/Giảm	% Tăng/Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		
I. Nợ ngắn hạn	410.196.976.119	23,12%	458.381.334.191	22,09%	(48.184.358.072)	-10,51%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	114.261.181.177	6,44%	110.885.764.837	5,34%	3.375.416.340	3,04%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	102.460.000	0,01%	302.460.000	0,01%	(200.000.000)	-66,12%
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.225.750.714	0,24%	16.151.854.719	0,78%	(11.926.104.005)	-73,84%
4. Phải trả người lao động	3.655.237.034	0,21%	7.653.955.495	0,37%	(3.998.718.461)	-52,24%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	3.119.543.709	0,18%	4.372.649.905	0,21%	(1.253.106.196)	-28,66%
6. Phải trả ngắn hạn khác	14.821.565.447	0,84%	15.781.244.220	0,76%	(959.678.773)	-6,08%
7. Vay và	262.494.716.045	14,80%	300.277.667.500	14,47%	(37.782.951.455)	-12,58%

nợ thuê tài chính ngắn hạn						
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.516.521.993	0,42%	2.955.737.515	0,14%	4.560.784.478	154,30%
II. Nợ dài hạn	1.363.824.670.117	76,88%	1.616.955.297.071	77,91%	(253.130.626.954)	-15,65%
1. Phải trả nội bộ dài hạn	98.536.822.200	5,55%	212.931.381.108	10,26%	(114.394.558.908)	-53,72%
2. Vay và thuê tài chính dài hạn	1.265.287.847.917	71,32%	1.404.023.915.963	67,65%	(138.736.068.046)	-9,88%
Tổng Nợ phải trả	1.774.021.646.236	100%	2.075.336.631.262	100%	(301.314.985.026)	-14,52%

- Tổng nợ phải trả năm 2015 giảm 301,3 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 14,5%. Trong đó nợ dài hạn giảm 253,1 tỷ tương ứng tỷ lệ giảm 15,6%, nợ ngắn hạn giảm 48,2 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 10,51%. Nợ ngắn hạn giảm chủ yếu là do các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm 37,8 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 12,6% là do số gốc vay đã trả trong năm; thuế và các khoản phải nộp nhà nước giảm 11,9 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 73,8% là do năm 2015 thuế TNDN của Nhà máy Khe Bô được miễn thuế, mặt khác do điều kiện thời tiết khô hạn, sản lượng và doanh thu không đạt kế hoạch, làm cho các khoản thuế phải nộp nhà nước cũng giảm theo. Các khoản mục khác trong nợ ngắn hạn không có biến động lớn.
- Trong năm 2015, Công ty không có các khoản nợ phải trả xấu. Các khoản nợ phải trả, Công ty đều có khả năng thanh toán trong tương lai.
- Số dư các khoản phải trả bằng ngoại tệ của Công ty là nhỏ, do đó ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm là không đáng kể.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2015 do chịu ảnh hưởng của El Nino, điều kiện thời tiết khô hạn, lượng nước về các hồ thủy điện thấp, do đó sản lượng điện trong năm 2015 của Công ty đạt mức thấp dẫn đến doanh thu của Công ty trong năm 2015 không đạt kế hoạch. Tuy nhiên trong năm 2015, Công ty đã có nhiều cố gắng nhằm tháo gỡ những khó khăn về tài chính cũng như luôn sát sao với tình hình SXKD và ĐTXD. Cụ thể:

+ Mặc dù sản lượng điện chỉ đạt 81,71% nhưng Công ty đã tham gia hiệu quả thị trường điện, đem lại lợi nhuận cao. Lãi do tham gia thị trường phát điện cạnh tranh về giá đạt 17,76 tỷ đồng. Phần giá trị này cũng bù đắp được một phần giá trị sản lượng không đạt kế hoạch. Do đó chỉ tiêu doanh thu sản xuất điện trong năm 2015 Công ty đạt mức 85,6%. Bên cạnh đó, doanh thu đạt thấp nên Công ty đã tiết kiệm tối đa chi phí, tính đến 31/12/2015, Công ty thực hiện chi phí đạt 94,79% kế hoạch.

+ Trong năm 2015, Công ty đã nhiều lần đàm phán với các Ngân hàng để cho phép giãn nợ, giảm lãi vay, thay đổi phương án trả nợ... để đảm bảo dòng tiền ổn định cũng như đem lại lợi ích về kinh tế cho Công ty.

+ Công ty cũng đã làm việc với Tổng cục thuế và Cục thuế Hà Nội về việc ưu đãi Thuế TNDN của Nhà máy thủy điện Khe Bô. Ngày 21/10/2015, Cục thuế Hà Nội đã có Văn bản chấp thuận cho Nhà máy thủy điện Khe Bô được miễn thuế TNDN trong năm 2015, 2016 và được giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Do đó, trong năm 2015, Công ty không phải nộp thuế TNDN của Nhà máy khoảng 7,8 tỷ đồng.

+ Công ty đã làm việc và đàm phán với Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Chi nhánh ngân hàng Phát triển Nghệ An về việc xin được trả nợ gốc các khoản vay áp dụng lãi suất cao trước, lãi suất thấp sau. Ngày 24/11/2015, Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã có văn bản chấp thuận cho Công ty thực hiện theo phương án trả nợ gốc này. Với phương án trả nợ gốc này, đến khi trả hết nợ gốc, Công ty sẽ tiết kiệm được khoảng 43 tỷ đồng.

+ Ngoài ra, trong năm 2015, Công ty đã hoàn tất công tác phát hành và chào bán cổ phiếu ra công chúng; tăng vốn cổ phần của Công ty lên 999.966.710.000 đồng, góp phần giảm gánh nặng về tài chính cho Công ty trong năm 2015.

+ Đối với công tác đầu tư xây dựng và công tác quyết toán công trình, trong năm 2015 Công ty đã nỗ lực đẩy nhanh tiến độ ĐTXD và quyết toán công trình về cơ bản đã hoàn thành so với kế hoạch 2015 đề ra, dự kiến trong năm 2016 sẽ tiếp tục hoàn thiện các hạng mục và phần việc còn lại. Đặc biệt trong năm 2015, Công ty đã hoàn thành đưa vào sử dụng khu nhà ở và nhà làm việc cho CBCNV Nhà máy thủy điện Bắc Bình, giúp cho đời sống CBCNV được cải thiện và ổn định cũng như giảm chi phí thuê nhà cho Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Công ty dự kiến kế hoạch năm 2016 với các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Nội dung KH	Đơn vị	KH năm 2016
1	Sản lượng điện thương phẩm	kWh	453.609.320
	- Thủy điện Nậm Má	kWh	11.000.000
	- Thủy điện Bắc Bình	kWh	71.099.850
	- Thủy điện Khe Bô	kWh	371.509.470
2	Đầu tư xây dựng:	đồng	132.061.497.600
3	Doanh thu:	đồng	448.237.317.282
	Doanh thu sản xuất điện:	đồng	446.794.317.282
	Doanh thu, thu nhập khác:	đồng	1.443.000.000
4	Chi phí :	đồng	393.674.154.211
5	Lợi nhuận sau thuế:	đồng	54.563.163.071
6	Cổ tức	%	5%

4.1. Kế hoạch sản xuất điện:

Theo dự báo thủy văn năm 2016 tiếp tục bị ảnh hưởng của El nino, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đã tiến hành tính toán lại thủy văn theo phương pháp kéo dài chuỗi dòng chảy để lập kế hoạch điện lượng năm 2016.

Tổng sản lượng điện thương phẩm:	453.609.320 kWh.
Trong đó:	
- Trạm thủy điện Nậm Mả:	11.000.000 kWh.
- Nhà máy thủy điện Bắc Bình:	71.099.850 kWh.
- Nhà máy thủy điện Khe Bô:	371.509.470 kWh.

4.2. Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2016: 132.061.497.600 đồng.

4.2.1 Dự án thủy điện Bắc Bình: 6.450.000.000 đồng.

Hoàn thành đầu tư xây dựng các hạng mục công trình còn lại:

- Quyết toán Xây dựng khu nhà ở và làm việc cho CBCNV.
- Phun vữa gia cố mái đá nhà máy; thi công Đường lên tháp điều áp, xuống cửa nhận nước.

4.2.2. Dự án thủy điện Khe Bô: 82.461.497.600 đồng.

a) Công tác xây dựng: 40.412.000.000 đồng

- Xử lý sạt lở lòng sông bờ phải: Sau 3 năm vận hành khu vực lòng sông phía bờ phải bị sạt lở dài khoảng 100m cần phải gia cố để đảm bảo an toàn cho mái bờ phải, nhất là cột điện 220 kV.

- Nạo vét, xử lý hạ thấp mực nước hạ lưu kênh xả Nhà máy để tăng hiệu quả phát điện. Công việc này đã được ĐHCĐ phê duyệt năm 2015, năm 2016 sẽ tiếp tục thực hiện.

- Xây dựng khu nhà điều hành và ở CBCNV nhà máy.

- Hoàn thành công tác quyết toán các hạng mục trong quý 2 năm 2016.

b) Công tác thiết bị công trình chính: 5.381.000.000 đồng

- Xây dựng xưởng cơ khí.

- Nhà làm mát tủ điều khiển và trực vận hành

- Hoàn thành công tác quyết toán các hạng mục thiết bị trong quý 2 năm 2016.

c) Công tác đền bù, tái định cư: 30.154.000.000 đồng

- Công tác đền bù: Tiếp tục thực hiện công việc đền bù thiệt hại về đất đai, nhà cửa.

- Công tác tái định cư: Hoàn thành thi công các hạng mục đường nối QL7 vào cầu treo Đình Tiến và cầu mới Đình Phong; Đường nối bản Đình Tiến - Đình Thắng - Đình Hương. Thực hiện công tác thiết kế và thi công đường nội vùng các khu tái định cư.

- Công tác Xử lý sạt trượt QL7: hoàn thiện công tác thi công xử lý sạt trượt QL7 trước mùa mưa năm 2016.

- Thực hiện công tác quyết toán các hạng mục công trình tái định cư đã hoàn thành.

4.2.3. Nghiên cứu dự án đầu tư mới: 3.000.000.000 đồng.

Theo kế hoạch 5 năm 2012 – 2016 đã được ĐHCĐ phê duyệt thì Công ty phải tìm kiếm 01 dự án điện mới để khảo sát thiết kế lập dự án đầu tư. Trong năm 2016, Công ty dự kiến tiến hành khảo sát 01 dự án thủy điện với giá trị khoảng 3 tỷ đồng.

4.2.4. Chuyển trụ sở làm việc của Công ty: 35.000.000.000 đồng.

Trong năm 2016, Công ty tiếp tục tìm kiếm để mua hoặc đầu tư xây dựng trụ sở của Công ty sang địa điểm mới theo nội dung ĐHCĐ đã phê duyệt từ năm 2015.

4.3. Đầu tư từ quỹ đầu tư phát triển: 5.150.000.000 đồng.

Trong năm 2016 Công ty tiếp tục thực hiện công tác đầu tư từ quỹ đầu tư phát triển của kế hoạch năm 2015 chuyển sang là 5.150.000.000 đồng. Bao gồm các nội dung chính:

- Thủy điện Nậm Mả: Cung cấp và lắp đặt BXCT Tổ máy 2
- Thủy điện Bắc Bình: Xây bồn hoa cây cảnh khuôn viên nhà máy, trang thiết bị hội trường trụ sở mới.
- Thủy điện Khe Bô: Mua xe cầu tự hành, đo quan trắc bồi lắng lòng hồ, lập quy trình bảo trì và trang bị mới hệ thống bơm dầu thủy lực dự phòng cho van cung đập tràn
- VP Công ty: Mua xe mới thay thế xe Mondeo cũ, trang bị bàn ghế hội trường.

4.4. Kế hoạch doanh thu: 448.237.317.282 đồng. Trong đó:

- Doanh thu từ sản xuất điện: 446.794.317.282 đồng
- Doanh thu từ công tác tư vấn, hoạt động tài chính, thu nhập khác: 1.443.000.000 đồng.

4.5. Kế hoạch chi phí 2016: 393.674.154.211 đồng

Năm 2016, Công ty sẽ cắt giảm, tiết kiệm tối đa chi phí theo các chỉ tiêu tối ưu hóa chi phí của EVNGENCO1. Cụ thể như sau:

4.5.1 Kế hoạch Sửa chữa lớn:

Công tác sửa chữa lớn tài sản cố định của Công ty được lập với tổng giá trị là 1.180.000.000 đồng. Trong đó:

- Trạm thủy điện Nậm Mả: Sửa chữa lớn 05 hạng mục công trình với giá trị là 730.000.000 đồng.
- Nhà máy thủy điện Bắc Bình: Sửa chữa lớn 03 hạng mục công trình với giá trị là 180.000.000 đồng.
- Nhà máy thủy điện Khe Bô: Sửa chữa lớn 04 hạng mục: với giá trị là 270.000.000 đồng.

4.5.2. Công tác sửa chữa thường xuyên:

Công tác sửa chữa thường xuyên của Công ty được lập với tổng giá trị là: 1.198.668.000 đồng. Trong đó:

- Trạm thủy điện Nậm Mả : 259.500.000 đồng.
- Nhà máy thủy điện Bắc Bình : 516.389.000 đồng.
- Nhà máy thủy điện Khe Bô : 229.515.000 đồng.
- Văn phòng Công ty : 193.264.000 đồng.

4.5.3. Công tác mua sắm VTTB dự phòng:

Công tác mua sắm VTTB dự phòng của Công ty được lập với tổng giá trị là: 1.148.980.110 đồng. Trong đó:

- Trạm thủy điện Nậm Mả : 114.800.000 đồng.
- Nhà máy thủy điện Bắc Bình : 821.710.110 đồng.
- Nhà máy thủy điện Khe Bô : 212.470.000 đồng

4.5.4. Kế hoạch Lao động, tiền lương, thưởng:

a) Kế hoạch lao động định biên:

- Ban TGD, kế toán trưởng: Ban TGD 03 người, Kế toán trưởng 01 người.
- Ban Giám đốc các đơn vị: Giám đốc 02 người, Phó giám đốc 02 người.
- CBCNV cơ quan Công ty và các đơn vị: 139 người.

b) Quỹ Tiền lương cho CBCNV:

- | | | |
|---|----------------|------|
| - Quỹ tiền lương cán bộ nhân viên theo đơn giá: | 23.696.273.813 | đồng |
| - Quỹ tiền lương hoàn thành kế hoạch lợi nhuận: | 1.974.689.484 | đồng |
| - Quỹ tiền thưởng an toàn điện: | 3.549.789.050 | đồng |
| - Quỹ Tiền lương cho viên chức quản lý: | 3.936.300.000 | đồng |

4.6. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

- Kế hoạch lợi nhuận sau thuế: 54.563.163.071 đồng.
- Dự kiến kế hoạch cổ tức năm 2016 là 5% bằng tiền mặt.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Xem chi tiết tại mục 6 Phần II

IV.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2015, một năm đầy khó khăn đối với Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam. Mặc dù Công ty đã đoàn kết một lòng, nỗ lực phấn đấu để hoàn thành tốt kế hoạch năm được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt, tuy nhiên, do bị ảnh hưởng của EL Nino, năm 2015 hạn hán kéo dài, lưu lượng nước về hồ thấp hơn trung bình nhiều năm, nước không đủ để chạy máy nên Công ty đã không thể hoàn thành kế hoạch năm. Cụ thể là:

- Công tác sản xuất điện: Đến hết ngày 31/12/2015, Công ty sản xuất được 433.044.416kWh/530.000.000kwh, đạt 81.7% kế hoạch;
- Doanh thu năm 2015 của Công ty đạt 441.544.378.271 đồng/516.155.980.000 đồng, đạt 85,54% kế hoạch;
- Lợi nhuận và cổ tức: Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2015, Công ty được giao là 77.934.770.677 đồng. Đến 31/12/2015 lợi nhuận sau thuế đạt 43.378.137.691 đồng, đạt 55,66% kế hoạch. Lợi nhuận năm 2014 còn lại chưa chia là 17 tỷ đồng, do đó Công ty dự kiến chia cổ tức năm 2015 là 5% bằng tiền mặt và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2,5% từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.
- Công tác đầu tư xây dựng: Năm 2015, Công ty tiếp tục thực hiện ĐTXD các hạng mục còn lại của 02 dự án với giá trị thực hiện là 166.985.743.279 đồng/202.622.234.895 đồng, đạt 82,41% kế hoạch năm.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Năm 2015, mặc dù trong điều kiện gặp nhiều khó khăn nhưng Ban Tổng Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực, cố gắng khắc phục mọi khó khăn, điều hành linh hoạt, sát sao các mặt hoạt động trong Công ty. Ban Tổng Giám đốc luôn báo cáo chi tiết, đầy đủ và chính xác các vấn đề phát sinh trình HĐQT; bàn bạc trực tiếp hoặc qua điện thoại, email hay bằng văn bản với HĐQT để kịp thời đưa ra các giải pháp tối ưu nhất nhằm hoàn thành vượt mức kế hoạch đã được ĐHCĐ giao. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền được phân cấp, thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định, các chỉ đạo của HĐQT; tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Trong điều kiện kinh tế xã hội năm 2015 với đầy khó khăn, thử thách, khí hậu khắc nghiệt, El Nino gây hạn hán kéo dài... , Công ty đã không thể hoàn thành kế hoạch nhưng kết quả đạt được vẫn là một điều rất đáng trân trọng.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Chỉ đạo Công ty hoàn thành Kế hoạch năm 2016 do ĐHCĐ giao.
- Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý vận hành các Nhà máy điện sản xuất an toàn, ổn định và hiệu quả.
- Tiếp tục tìm kiếm 01 dự án mới để nghiên cứu đầu tư.
- Tiếp tục tìm kiếm mua trụ sở Công ty.
- Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Tiếp tục cập nhật, bổ sung và hoàn thiện hệ thống các văn bản, quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cổ đông. Đảm bảo thu nhập, điều kiện làm việc của người lao động. Thực hiện các giải pháp khuyến khích để Người lao động gắn bó vì sự phát triển của Công ty.
- Thực hiện những nhiệm vụ khác do ĐHCĐ giao.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị (HĐQT) có 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên điều hành và 04 thành viên không điều hành, cụ thể:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT, TGD	0,2828	Thành viên điều hành
2	Khuất Quang Mậu	Ủy viên HĐQT	0,05	Thành viên không điều hành

3	Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên HĐQT	0	Thành viên không điều hành
4	Nguyễn Văn Khóa	Ủy viên HĐQT	0,0003	Thành viên không điều hành
5	Nguyễn Tiến Khoa	Ủy viên HĐQT	0,1620	Thành viên không điều hành

b) Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty chưa thành lập tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2015, HĐQT Công ty đã tổ chức 06 cuộc họp định kỳ, HĐQT Công ty cũng đã tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh trong hoạt động SXKD, ĐTXD để ban hành các Nghị quyết và Quyết định, nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát tình hình hoạt động của Công ty, đưa ra những quyết sách kịp thời để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Các văn bản do HĐQT ban hành dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, đúng pháp luật, quyết định đúng đắn chiến lược hoạt động kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao.

HĐQT đã kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát để kiểm tra, nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với Ban điều hành để hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. Các cuộc họp HĐQT đều mời các thành viên Ban kiểm soát tham dự, các ý kiến đóng góp của Ban kiểm soát đều được tôn trọng, ghi nhận là cơ sở quan trọng thông qua các quyết định của HĐQT và Tổng Giám đốc.

Thực hiện quy định của Luật Chứng khoán, các Nghị định và Thông tư về việc công bố thông tin về quản trị Công ty, HĐQT Công ty đã gửi Báo cáo quản trị 06 tháng, báo cáo năm 2014 lên Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Website của Công ty. Qua đó nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị Công ty, đồng thời giúp cho cổ đông nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Trong năm 2015, Công ty có 01 thành viên Hội đồng Quản trị Công ty tham gia lớp Thạc sĩ quản lý điều hành cao cấp.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (%)
1	Hồ Quang Hải	Trưởng Ban kiểm soát	0,010

2	Nguyễn Thị Liên	Thành viên Ban kiểm soát	0,1026
3	Trần Anh Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát	0
4	Đinh Thị Diễm Quỳnh	Thành viên Ban kiểm soát	0

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam trong việc quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2015, cụ thể:

+ Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán Công ty đảm bảo tuân thủ Chế độ kế toán doanh nghiệp theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 26/3/2006 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam; xem xét Báo cáo tài chính định kỳ hàng tháng, quý và cả năm do Ban điều hành cung cấp. Từ đó, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn.

+ Tham gia phối hợp cùng đơn vị kiểm toán về phạm vi, nội dung thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2015 trước và sau kiểm toán, đồng thời xem xét các ý kiến kiểm toán viên độc lập.

+ Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2015:

Phiên họp Ban Kiểm soát	Số thành viên tham dự	Nội dung
Ngày 05/4/2015	3	Họp thông qua Báo cáo kết quả kiểm soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2014
Ngày 12/9/2015	4	Họp thông qua Báo cáo kết quả kiểm soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng 6 tháng đầu năm 2015

+ Bên cạnh đó, Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc Công ty để nghe Ban Tổng Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh và mục tiêu, phương hướng hoạt động tiếp theo nhằm hoàn thành các mục tiêu kế hoạch năm 2015 đã đề ra, xây dựng kế hoạch năm 2016. Từ đó, Ban Kiểm soát tham gia đóng góp ý kiến của mình trong công tác điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty.

➤ **Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2015**

- Ban Kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam quy định và những điều khoản ghi trong Luật chứng khoán. Mỗi thành viên trong Ban Kiểm soát đều nỗ lực nghiên cứu và đi sâu sát vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để có những ý kiến phản biện kịp thời trong công tác điều hành với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

- Mặc dù năm 2015 tình hình sản xuất kinh doanh có nhiều khó khăn, thách thức, Ban Kiểm soát đã làm tròn chức năng, nhiệm vụ mà các nhà đầu tư đã tin tưởng giao cho nhất là thực hiện nhiệm vụ kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng vốn một cách có hiệu quả.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:

a) *Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:*

Việc chi trả thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát được thực hiện theo đúng các quy định và kế hoạch thù lao do Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Số cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số thực hiện 85%
A	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:		
1	Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	413.100.000
2	Nguyễn Tiến Khoa	Ủy viên	70.380.000
3	Khuất Quang Mậu	Ủy viên	70.380.000
4	Nguyễn Văn Khóa	Ủy viên	70.380.000
5	Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên	70.380.000
	Tổng (1):		694.620.000
B	BAN KIỂM SOÁT:		
1	Hồ Quang Hải	Trưởng BKS không chuyên trách	64.260.000
2	Nguyễn Thị Liên	Thành viên	48.195.000
3	Trần Anh Tuấn	Thành viên	48.195.000
4	Đình Thị Diễm Quỳnh	Thành viên	32.130.000
	Tổng (2):		192.780.000
	Tổng cộng (1+2):		887.400.000

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:*

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Lý do tăng, giảm

			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Nguyễn Thanh Tùng	CT.HĐQT/TG Đ	31.775	0,0349	282.813	0,2828	Mua từ đợt phát hành, chào bán của Công ty
2	Nguyễn Tiến Khoa	TV.HĐQT	11.787	0,0129	162.081	0,162	Mua từ đợt phát hành, chào bán của Công ty
3	Nguyễn Văn Khóa	TV.HĐQT	360	0,0003	369	0,000369	Từ đợt phát hành của Công ty
4	Khuất Quang Mậu	TV.HĐQT	0	0	50.000	0,050	Mua từ đợt chào bán của Công ty
5	Hồ Quang Hải	Trưởng BKS	0	0	10.000	0,010	Mua từ đợt chào bán của Công ty
6	Nguyễn Thị Liên	TV.BKS	41.875	0,0461	102.641	0,1026	Mua từ đợt phát hành, chào bán của Công ty
7	Phạm Đình Lê	PTGD	0	0	30.000	0,030	Mua từ đợt chào bán của Công ty

8	Nguyễn Bích Liên	PTGD	0	0	62.248	0,06225	Mua từ đợt phát hành, chào bán của Công ty; Mua/bán
9	Nguyễn Tùng Phương	KTT	0	0	30.000	0,030	Mua từ đợt chào bán của Công ty
10	Tổng Công ty Phát điện 1	Cổ đông lớn	35.000.000	38,5435	36.643.750	36,6449	Từ đợt phát hành của Công ty
11	CTCP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ đông lớn	4.692.063	5,1671	12.356.550	12,3569	Mua từ đợt phát hành, chào bán của Công ty
12	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Cổ đông lớn	10.352.500	11,4006	10.611.312	10,6116	Từ đợt phát hành của Công ty

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có giao dịch

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* Việc quản trị Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán

Số: 540 /2016/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam được lập ngày 04/03/2016, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0285-2013-002-1

(Đã ký)

Hoàng Thúy Nga
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0762-2013-002-1
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2016

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

a) Bảng cân đối kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		149.953.794.203	228.627.680.096
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	51.682.608.595	81.145.815.709
111	1. Tiền		23.945.645.143	1.513.684.872
112	2. Các khoản tương đương tiền		27.736.963.452	79.632.130.837
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	5.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	5.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		95.732.935.256	139.635.409.397
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	29.427.919.686	25.598.574.782
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		56.748.580.942	102.461.381.009
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	9.556.434.628	11.575.453.606
140	IV. Hàng tồn kho	6	2.262.929.389	2.788.366.108
141	1. Hàng tồn kho		2.262.929.389	2.788.366.108
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		275.320.963	58.088.882
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	33.656.860	58.088.882
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	241.664.103	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.727.079.134.053	2.889.353.018.533
220	I. Tài sản cố định		2.705.570.579.890	2.886.160.770.340
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	2.701.881.808.560	2.882.371.226.447
222	- Nguyên giá		3.331.499.313.066	3.331.459.313.066
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(629.617.504.506)	(449.088.086.619)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	3.688.771.330	3.789.543.893
228	- Nguyên giá		4.121.558.661	4.121.558.661
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(432.787.331)	(332.014.768)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn	10	15.550.343.334	825.798.205
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		15.550.343.334	825.798.205
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	11	1.199.402.628	1.199.402.628
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.950.000.000	1.950.000.000

254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(750.597.372)	(750.597.372)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		4.758.808.201	1.167.047.360
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	4.758.808.201	1.167.047.360
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>2.877.032.928.256</u>	<u>3.117.980.698.629</u>

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.774.021.646.236	2.075.336.631.262
310	I. Nợ ngắn hạn		410.196.976.119	458.381.334.191
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	114.261.181.177	110.885.764.837
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		102.460.000	302.460.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	4.225.750.714	16.151.854.719
314	4. Phải trả người lao động		3.655.237.034	7.653.955.495
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	3.119.543.709	4.372.649.905
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	14.821.565.447	15.781.244.220
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	262.494.716.045	300.277.667.500
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.516.521.993	2.955.737.515
330	II. Nợ dài hạn		1.363.824.670.117	1.616.955.297.071
335	1. Phải trả nội bộ dài hạn	17	98.536.822.200	212.931.381.108
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	1.265.287.847.917	1.404.023.915.963
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.103.011.282.020	1.042.644.067.367
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1.103.011.282.020	1.042.644.067.367
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		999.966.710.000	908.064.640.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		999.966.710.000	908.064.640.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.927.746.440	50.365.892.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.454.930.951	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		12.670.770.579	9.840.673.157
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		60.991.124.050	74.372.862.210
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		17.612.986.359	2.955.722.664
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		43.378.137.691	71.417.139.546
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>2.877.032.928.256</u>	<u>3.117.980.698.629</u>

b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	440.635.451.231	519.305.889.462
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		440.635.451.231	519.305.889.462
11	3. Giá vốn hàng bán	21	233.115.228.313	240.160.785.907
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		207.520.222.918	279.145.103.555
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	906.908.778	2.811.799.894
22	6. Chi phí tài chính	23	137.109.996.432	166.073.354.841
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>136.158.220.358</i>	<i>166.070.773.812</i>
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	25.825.294.627	27.038.165.774
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		45.491.840.637	88.845.382.834
31	9. Thu nhập khác	25	2.018.262	274.609.091
32	10. Chi phí khác	26	319.314.639	932.207.908
40	11. Lợi nhuận khác		(317.296.377)	(657.598.817)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		45.174.544.260	88.187.784.017
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	1.796.406.569	16.770.644.471
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		43.378.137.691	71.417.139.546
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	463	767
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	434	714

c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		480.669.803.268	626.581.980.786
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(6.331.521.304)	(15.864.808.479)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(30.600.234.728)	(24.230.098.956)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(142.107.728.195)	(165.952.891.403)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(13.549.369.845)	(18.408.252.866)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.182.909.413	3.751.032.337
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(86.795.979.298)	(114.927.550.360)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>202.467.879.311</i>	<i>290.949.411.059</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(85.006.589.339)	(89.601.651.129)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	252.272.727
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(5.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.000.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.218.748.979	2.614.271.652
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(78.787.840.360)</i>	<i>(91.735.106.750)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		69.632.695.400	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		404.538.429.728	149.525.709.816
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(581.057.449.229)	(289.981.586.777)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(46.256.938.164)	(37.820.129.367)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(153.143.262.265)</i>	<i>(178.276.006.328)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(29.463.223.314)	20.938.297.981
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		81.145.815.709	60.206.875.546
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		16.200	642.182
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>51.682.608.595</u>	<u>81.145.815.709</u>

d) *Thuyết minh báo cáo tài chính*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101264520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 03/06/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20/12/2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3 - CT1 - 583 Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000.000VND (Bằng chữ: Một nghìn tỷ đồng Việt Nam). Tại ngày 31/12/2015, số vốn thực góp theo tiến độ cam kết là 999.966.710.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: sản xuất, phân phối, bán điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Do tình hình thời tiết khô hạn nghiêm trọng và bất thường so với mọi năm nên lượng nước về các hồ thủy điện của Nhà máy Thủy điện Khe Bó và Nhà máy Thủy điện Bắc Bình không đủ để phát điện theo công suất thiết kế. Điều này dẫn đến doanh thu bán điện năm 2015 không đạt kế hoạch, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận sau thuế năm 2015 giảm đáng kể so với năm trước. Các hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại doanh thu chủ yếu là sản xuất điện.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy Thủy điện Bắc Bình	Bình Thuận	Sản xuất điện năng
Nhà máy Thủy điện Khe Bó	Nghệ An	Sản xuất điện năng

Trung tâm Tư vấn Thiết kế

Hà Nội

Tư vấn

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 36.

2.4. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau: Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.9. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Khi xuất kho, giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ tại Trung tâm tư vấn thiết kế là chi phí phát sinh tương ứng với khối lượng công việc tư vấn đã cung cấp nhưng chưa được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
Phương tiện vận tải	08 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	66 năm
Phần mềm kế toán và TSCĐ vô hình khác	03 - 10 năm

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14. Vay và chi phí đi vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

2.17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí đi vay vốn;

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính, thu nhập phát sinh của Nhà máy Thủy điện Bắc Bình được miễn thuế 3 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 5 năm tiếp theo kể từ năm bắt đầu đi vào hoạt động là năm 2009. Năm 2015, thu nhập từ hoạt động kinh doanh của nhà máy tiếp tục được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp như đã nêu ở trên theo hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính.

Đối với thu nhập phát sinh tại Nhà máy Thủy điện Khe Bô: Theo Công văn số 68170/CT-HTr ngày 21/10/2015 của Cục thuế Thành phố Hà Nội thì thu nhập tính thuế tại Nhà máy Thủy điện Khe Bô được miễn thuế trong năm 2015 và 2016, được giảm 50% thuế trong 7 năm tiếp theo.

Việc miễn, giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác. Các khoản thu nhập khác này chịu mức thuế suất phổ thông 22%.

2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	207.988.965	307.057.359
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.737.656.178	1.206.627.513
Các khoản tương đương tiền ^(*)	27.736.963.452	79.632.130.837
	<u>51.682.608.595</u>	<u>81.145.815.709</u>

^(*)Tại ngày 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn và Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội với lãi suất từ 4%/năm đến 5%/năm.

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo số dư lớn		
- Công ty Mua bán điện Việt Nam	26.817.401.635	24.160.356.066
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.610.518.051	1.438.218.716
	<u>29.427.919.686</u>	<u>25.598.574.782</u>
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)</i>	<u>28.442.621.493</u>	<u>25.094.932.420</u>

5. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	3.421.344.798	-	3.260.421.090	-
Phải thu khác	6.135.089.830	-	8.315.032.516	-
- Phải thu về lãi tiền gửi	8.613.836	-	320.454.037	-
- Cho Hội đồng bồi thường huyện Tương Dương vay tạm thời	4.472.363.000	-	4.472.363.000	-
- Tiền cổ tức đã chuyển cho SSI để trả cho cổ đông	869.098.602	-	2.179.231.766	-
- Thuế GTGT đầu vào chưa đủ điều kiện khấu trừ	134.675.879	-	172.626.693	-
- Tạm ứng	508.905.013	-	1.062.374.553	-
- Các khoản phải thu khác	141.433.500	-	107.982.467	-
	9.556.434.628	-	11.575.453.606	-

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	162.938.259	-	96.135.169	-
Công cụ, dụng cụ	281.328.090	-	170.672.853	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.818.663.040	-	2.521.558.086	-
- Dự án Sông Bạc (*)	636.606.492	-	636.606.492	-
- Chi phí của Trung tâm Tư vấn Thiết kế	1.182.056.548	-	1.884.951.594	-
	2.262.929.389	-	2.788.366.108	-

(*) Đây là chi phí giai đoạn chuẩn bị đầu tư của Dự án Thủy Điện Sông Bạc. Theo Hợp đồng 06/HĐSB ngày 07/10/2006 giữa Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và Công ty TNHH Đại Dương về việc bàn giao hồ sơ dự án và thanh toán chi phí đầu tư ban đầu Dự án thủy điện Sông Bạc, Dự án sẽ được chuyển đổi chủ đầu tư với số tiền thanh toán cho chi phí đầu tư ban đầu là 4.000.000.000 VND. Sau khi bàn giao xong hồ sơ dự án, chủ đầu tư mới đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam số tiền 3.200.000.000 VND. Công ty đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh từ các năm trước tương ứng với khoản lãi gộp là 424.511.937 VND. Tại thời điểm 31/12/2015, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang còn lại, chờ chủ đầu tư chấp nhận thanh toán là 636.606.492 VND.

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	10.556.818	43.521.970
- Chi phí khác	23.100.042	14.566.912
	33.656.860	58.088.882
b) Dài hạn		
- Quyền sử dụng đất có thời hạn trả tiền một lần	948.794.900	969.017.880
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	67.310.051	187.696.147
- Phí trả nợ trước hạn	3.742.703.250	-
- Giấy phép hoạt động phát điện	-	10.333.333
	4.758.808.201	1.167.047.360

Báo cáo thường niên năm 2015

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 3 CT1 - Số 583 - Nguyễn Trãi - Hà Đông - Hà Nội

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.641.306.843.793	1.682.576.144.632	7.054.166.422	522.158.219	3.331.459.313.066
- Mua trong năm	-	40.000.000	-	-	40.000.000
Số dư cuối năm	1.641.306.843.793	1.682.616.144.632	7.054.166.422	522.158.219	3.331.499.313.066
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	184.324.463.434	259.778.475.445	4.670.093.041	315.054.699	449.088.086.619
- Khấu hao trong năm	75.504.537.402	104.438.990.280	516.299.373	69.590.832	180.529.417.887
Số dư cuối năm	259.829.000.836	364.217.465.725	5.186.392.414	384.645.531	629.617.504.506
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.456.982.380.359	1.422.797.669.187	2.384.073.381	207.103.520	2.882.371.226.447
Tại ngày cuối năm	1.381.477.842.957	1.318.398.678.907	1.867.774.008	137.512.688	2.701.881.808.560

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.699.652.302.078 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.532.923.563 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 68.032.224 VND.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (i)	Phần mềm kế toán	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.857.548.229	172.195.842	91.814.590	4.121.558.661
Số dư cuối năm	3.857.548.229	172.195.842	91.814.590	4.121.558.661
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	239.336.955	52.850.634	39.827.179	332.014.768
- Khấu hao trong năm	47.712.883	17.219.580	35.840.100	100.772.563
Số dư cuối năm	287.049.838	70.070.214	75.667.279	432.787.331
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	3.618.211.274	119.345.208	51.987.411	3.789.543.893
Tại ngày cuối năm	3.570.498.391	102.125.628	16.147.311	3.688.771.330

⁽ⁱ⁾ Quyền sử dụng đất tại Nhà máy Thủy điện Bắc Bình được sử dụng xây dựng Nhà điều hành, Nhà máy thủy điện.

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.570.498.391 VND.

10. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Nhà điều hành Nhà máy Bắc Bình	15.384.033.834	43.250.000
- Công trình khác	166.309.500	782.548.205
	15.550.343.334	825.798.205

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản đầu tư khác				
- Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn	1.950.000.000	(750.597.372)	1.950.000.000	(750.597.372)
	1.950.000.000	(750.597.372)	1.950.000.000	(750.597.372)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về Công ty nhận đầu tư tại ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn	Lạng Sơn	8,60%	8,60%	Sản xuất điện năng

Báo cáo thường niên năm 2015

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 3 CT1 - Số 583 - Nguyễn Trãi - Hà Đông - Hà Nội

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo số dư lớn				
- Tổng Công ty 36	43.852.468.132	43.852.468.132	45.378.224.166	45.378.224.166
- Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực	13.473.191.148	13.473.191.148	17.360.783.650	17.360.783.650
- Liên danh YMEC-ZHEFU-EEMC	16.524.918.330	16.524.918.330	15.702.161.783	15.702.161.783
- Phải trả cho các đối tượng khác	40.410.603.567	40.410.603.568	32.444.595.238	32.444.595.238
	114.261.181.177	114.261.181.178	110.885.764.837	110.885.764.837

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	419.061.837	37.705.094.679	37.311.825.693	-	-	-	-	812.330.823	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	11.511.299.173	1.796.406.569	13.549.369.845	241.664.103	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	119.920.257	665.996.806	747.958.625	-	-	-	-	37.958.438	-
Thuế tài nguyên	-	1.349.398.173	27.758.968.978	27.618.349.058	-	-	-	-	1.490.018.093	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	26.321.372	26.321.372	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	183.767.524	5.000.000	188.767.524	-	-	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.568.407.755	8.777.627.907	9.460.592.302	-	-	-	-	1.885.443.360	-
	-	16.151.854.719	76.735.416.311	88.903.184.419	241.664.103	4.225.750.714	4.225.750.714	4.225.750.714	4.225.750.714	4.225.750.714

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	203.432.471	2.410.237.058
- Chi phí thưởng vận hành an toàn điện	2.584.283.146	1.328.863.640
- Chi phí phải trả khác	331.828.092	633.549.207
	3.119.543.709	4.372.649.905

15. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	20.925.860	13.583.720
Bảo hiểm xã hội	19.895.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.780.744.587	15.767.660.500
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	13.697.205.229	14.550.911.393
- Phải trả nợ vay vốn tạm thời của Hội đồng bồi thường huyện Tương Dương	1.000.000.000	1.000.000.000
- Phải trả, phải nộp khác	83.539.358	216.749.107
	14.821.565.447	15.781.244.220

Báo cáo thường niên năm 2015

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 3 CT1 - Số 583 - Nguyễn Trãi - Hà Đông - Hà Nội

16. CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	29.821.031.500	29.821.031.500	52.359.505.933	64.183.984.159	17.996.553.274	17.996.553.274
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	270.456.636.000	270.456.636.000	244.498.162.771	270.456.636.000	244.498.162.771	244.498.162.771
	300.277.667.500	300.277.667.500	296.857.668.704	334.640.620.159	262.494.716.045	262.494.716.045
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn	1.674.480.551.963	1.674.480.551.963	352.178.923.795	516.873.465.070	1.509.786.010.688	1.509.786.010.688
	1.674.480.551.963	1.674.480.551.963	352.178.923.795	516.873.465.070	1.509.786.010.688	1.509.786.010.688
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(270.456.636.000)	(270.456.636.000)	(244.498.162.771)	(270.456.636.000)	(244.498.162.771)	(244.498.162.771)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.404.023.915.963	1.404.023.915.963			1.265.287.847.917	1.265.287.847.917

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

	Loại tiền		Lãi suất		Hình thức	
	VND	USD	năm	tháng	đảm bảo	01/01/2015
	VND					VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn	VND		9%		Thế chấp bằng tiền gửi có kỳ hạn	29.821.031.500
	17.996.553.274					17.996.553.274
	17.996.553.274					17.996.553.274

Báo cáo thường niên năm 2015

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Địa chỉ: Tầng 3 CT1 - Số 583 - Nguyễn Trãi - Hà Đông - Hà Nội

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:		đáo hạn		Hình thức	01/01/2015	
Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:		Loại tiền	Lãi suất năm	đảm bảo	31/12/2015	
		VND			VND	
Vay dài hạn						
-	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	VND	Thay đổi theo thời kỳ	2016	Thế chấp	84.847.712.679
-	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận	VND	Thay đổi theo thời kỳ		Thế chấp	14.996.647.000
-	Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội	VND	Thay đổi theo thời kỳ	2016	Thế chấp	3.001.416.000
-	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	VND	6,9%/năm áp dụng cho số dư	2020	Thế chấp	1.361.439.936.443
+	Hợp đồng số 70/2008/HHTD và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung	VND	862.812.677.876 VND và 10,5%/năm áp dụng cho số dư nợ 312.232.623.600 VND			1.335.811.431.191
+	Hợp đồng 07/2013/HHTD ngày 28/02/2013 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung	VND	11%/năm	2020	Thế chấp	25.628.505.252
-	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	Thay đổi theo thời kỳ		Thế chấp	210.194.839.841
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	VND	Thay đổi theo thời kỳ	2025	Thế chấp	-
-	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	VND	Thay đổi theo thời kỳ			-
+	Hợp đồng 93 -21.08.15/HHTD/TPBANK.THN	VND	Thay đổi theo thời kỳ	2025	Thế chấp	-
+	Hợp đồng 155-26.11.15/HHTD/TPBANK.THN	VND	Thay đổi theo thời kỳ	2020	Thế chấp	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng						1.509.786.010.688
						(244.498.162.771)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng						1.265.287.847.917
						1.674.480.551.963
						(270.456.636.000)
						1.404.023.915.963

Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp tại với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

17. PHẢI TRẢ NỘI BỘ DÀI HẠN

Đây là khoản trích trước Nguyên giá TSCĐ tạm tăng của Nhà máy Khe Bố. Việc hạch toán và theo dõi trên khoản mục này được thực hiện theo Công văn số 12227/BTC-CĐKT ngày 03/09/2015 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Báo cáo thường niên năm 2015

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 3 CT1 - Số 583 - Nguyễn Trãi - Hà Đông - Hà Nội

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	
Số dư đầu năm trước	887.170.430.000	50.415.892.000	-	7.773.763.637	76.810.958.104	1.022.171.043.741	
Tăng vốn trong năm trước	20.894.210.000	-	-	-	-	20.894.210.000	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	71.417.139.546	71.417.139.546	
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	(45.403.232.000)	(45.403.232.000)	
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	(20.894.210.000)	(20.894.210.000)	
Phân phối quỹ	-	-	-	2.066.909.520	(2.066.909.520)	-	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(5.167.273.802)	(5.167.273.802)	
Trích quỹ thường ban điều hành	-	-	-	-	(200.496.690)	(200.496.690)	
Chi phí tăng vốn	-	(50.000.000)	-	-	-	(50.000.000)	
Giảm khác	-	-	-	-	(123.113.428)	(123.113.428)	
Số dư cuối năm trước	908.064.640.000	50.365.892.000	-	9.840.673.157	74.372.862.210	1.042.644.067.367	
Tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu ⁽ⁱ⁾	69.233.750.000	230.174.440	-	-	-	69.463.924.440	
Tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn ⁽ⁱ⁾	22.668.320.000	(22.668.320.000)	-	-	-	-	
Lãi trong năm	-	-	-	-	43.378.137.691	43.378.137.691	
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	(45.403.232.000)	(45.403.232.000)	
Trích lập các quỹ	-	-	-	4.285.028.373	(4.285.028.373)	-	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(6.885.765.478)	(6.885.765.478)	
Trích quỹ thường ban điều hành	-	-	-	-	(185.850.000)	(185.850.000)	
Dùng Quỹ Đầu tư phát triển mua TSCĐ	-	-	1.454.930.951	(1.454.930.951)	-	-	
Số dư cuối năm nay	999.966.710.060	27.927.746.440	1.454.930.951	12.670.770.579	60.991.124.050	1.103.011.282.020	

⁽ⁱ⁾Thực hiện chủ trương tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 388/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên, Công ty đã hoàn tất đợt tăng vốn thông qua việc phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn và chào bán cho cổ đông hiện hữu. Tổng số cổ phiếu đã phát hành 9.190.207 cổ phiếu, chiếm 99,96% số lượng cổ phiếu được phép phát hành và chào bán. Trong đó:

- Phân phối cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn: 2.266.832 cổ phiếu;
- Phân phối cho cổ đông hiện hữu với giá mua 10.000 đồng/cổ phiếu: 2.933.921 cổ phiếu;
- Phân phối cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không đăng ký mua hết với giá 10.100 đồng/cổ phiếu: 3.989.454 cổ phiếu.

Cũng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 388/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00%	71.417.139.546
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	9,64%	6.885.765.478
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	6,00%	4.285.028.373
Trích Quỹ thưởng ban điều hành	0,26%	185.850.000
Trả cổ tức bằng tiền mặt (tương ứng mỗi cổ phần nhận 500 VND)	63,57%	45.403.232.000
Lợi nhuận sau thuế để lại	20,52%	14.657.263.695

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015 VND	Tỷ lệ %	01/01/2015 VND	Tỷ lệ %
- Tổng Công ty Phát điện 1	366.437.500.000	36,64%	350.000.000.000	38,54%
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	0,00%	7.500.000.000	0,83%
- Công đoàn Điện lực Việt Nam	32.468.120.000	3,25%	29.725.000.000	3,27%
- Công đoàn Điện lực Miền Trung	1.403.090.000	0,14%	1.025.000.000	0,11%
- Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại	106.113.120.000	10,61%	103.525.000.000	11,40%
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc	123.565.500.000	12,36%	46.920.630.000	5,17%
- Cổ đông khác	369.979.380.000	37,00%	369.369.010.000	40,68%
Cộng	999.966.710.000	100,00%	908.064.640.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	999.966.710.000	908.064.640.000
- Vốn góp đầu năm	908.064.640.000	887.170.430.000
- Vốn góp tăng trong năm	91.902.070.000	20.894.210.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	999.966.710.000	908.064.640.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	45.403.232.000	66.297.442.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	45.403.232.000	66.297.442.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	99.996.671	90.806.464
- Cổ phiếu phổ thông	99.996.671	90.806.464
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	99.996.671	90.806.464
- Cổ phiếu phổ thông	99.996.671	90.806.464

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	12.670.770.579	9.840.673.157
	12.670.770.579	9.840.673.157

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	01/01/2015
USD	2.386,43	2.104,85

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	439.860.619.947	519.305.889.462
- Nhà máy Nậm Mả	10.435.258.577	9.674.395.793
- Nhà máy Bắc Bình	72.965.498.625	102.958.657.884
- Nhà máy Khe Bó	356.459.862.745	406.672.835.785
Doanh thu cung cấp dịch vụ	774.831.284	-
- Doanh thu Tư vấn giám sát	774.831.284	-
	440.635.451.231	519.305.889.462
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	439.829.537.567	519.270.716.862

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán	232.374.204.327	240.160.785.907
- Nhà máy Nậm Mả	4.722.442.108	5.984.089.586
- Nhà máy Bắc Bình	52.855.520.210	55.417.030.951
- Nhà máy Khe Bó	174.796.242.009	178.759.665.370
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	741.023.986	-
- Giá vốn hoạt động tư vấn giám sát	741.023.986	-
	233.115.228.313	240.160.785.907

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	906.908.778	2.722.703.486
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	89.096.408
	906.908.778	2.811.799.894

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	136.158.220.358	166.070.773.812
Lỗ chênh lệch tỷ giá	951.776.074	379.402.477
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(376.821.448)
	137.109.996.432	166.073.354.841

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	15.581.831.998	17.702.202.186
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.034.170.363	1.114.598.496
Chi phí khấu hao tài sản cố định	601.303.085	538.904.614
Thuế, phí và lệ phí	58.012.753	21.559.882
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.427.309.333	2.046.330.989
Chi phí khác bằng tiền	6.122.667.095	5.614.569.607
	25.825.294.627	27.038.165.774

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	252.272.727
Các khoản khác	2.018.262	22.336.364
	2.018.262	274.609.091

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	281.520.000	310.800.000
Phạt hợp đồng, phạt hành chính	-	217.983.366
Chi phí không liên quan hoạt động sản xuất kinh doanh	37.794.639	403.424.542
	319.314.639	932.207.908

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	45.174.544.260	88.187.784.017
Các khoản điều chỉnh tăng	967.823.789	1.254.498.374
- Các khoản tiền phạt	-	217.983.366
- Lương HDQT không trực tiếp điều hành	281.520.000	310.800.000
- Chi phí không được trừ khác	686.303.789	725.715.008
Các khoản điều chỉnh giảm	-	691.500.000
- Khoản chi phúc lợi cho người lao động	-	691.500.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	46.142.368.049	88.750.782.391
- Thu nhập từ Nhà máy Bắc Bình được giảm 50%	4.850.618.223	25.041.160.504
- Thu nhập từ Nhà máy Khe Bô được miễn thuế	35.551.574.532	-
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi	5.740.175.294	63.709.621.887
Chi phí thuế TNDN trên thuế suất phổ thông	10.151.320.971	19.525.172.126
- Giảm 50% thuế TNDN phát sinh tại Nhà máy Bắc Bình	533.568.005	2.754.527.655
- Miễn thuế TNDN phát sinh tại Nhà máy Khe Bô	7.821.346.397	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.796.406.569	16.770.644.471
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	96.229.150
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	11.511.299.173	13.052.678.418
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(13.549.369.845)	(18.408.252.866)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính	(241.664.103)	11.511.299.173

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2015	Năm 2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	43.378.137.691	71.417.139.546
Các khoản điều chỉnh :	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	43.378.137.691	71.417.139.546
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm đã điều chỉnh	93.643.904	93.073.296
+ Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm chưa tính đến cổ phiếu thưởng	91.377.072	88.717.043
+ Điều chỉnh cổ phiếu thưởng phát hành trong năm 2014	-	2.089.421
+ Điều chỉnh cổ phiếu thưởng phát hành trong năm 2015	2.266.832	2.266.832
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	463	767

Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu. Tuy nhiên,

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

29. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	43.378.137.691	71.417.139.546
Các khoản điều chỉnh :	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	43.378.137.691	71.417.139.546
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	93.643.904	93.073.296
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	6.356.096	6.926.704
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	434	714

Công ty dự kiến sẽ phát hành cổ phiếu để số vốn góp đủ so với vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh.

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.113.663.675	1.530.536.740
Chi phí nhân công	25.136.267.501	28.538.354.358
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	705.332.028	403.609.701
Chi phí khấu hao tài sản cố định	180.477.615.906	180.556.623.819
Chi phí sửa chữa TSCĐ	845.332.934	1.615.350.874
Thuế, phí và lệ phí	36.491.525.191	41.910.686.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.166.154.465	4.764.638.092
Chi phí khác bằng tiền	8.264.737.254	7.966.842.336
	258.200.628.954	267.286.642.392

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.682.608.595	-	81.145.815.709	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.984.354.314	-	37.174.028.388	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	5.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	1.950.000.000	(750.597.372)	1.950.000.000	(750.597.372)
	92.616.962.909	(750.597.372)	125.269.844.097	(750.597.372)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.527.782.563.962	1.704.301.583.463
Phải trả người bán, phải trả khác	129.082.746.624	126.667.009.057
Chi phí phải trả	3.119.543.709	4.372.649.905
	1.659.984.854.295	1.835.341.242.425

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ

phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.682.608.595	-	-	51.682.608.595
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.984.354.314	-	-	38.984.354.314
Đầu tư dài hạn	-	-	1.199.402.628	1.199.402.628
Cộng	90.666.962.909	-	1.199.402.628	91.866.365.537
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.145.815.709	-	-	81.145.815.709
Phải thu khách hàng, phải thu khác	37.174.028.388	-	-	37.174.028.388
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	1.199.402.628	1.199.402.628
Cộng	123.319.844.097	-	1.199.402.628	124.519.246.725

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	262.494.716.045	1.096.445.353.169	168.842.494.748	1.527.782.563.962
Phải trả người bán, phải trả khác	129.082.746.624	-	-	129.082.746.624
Chi phí phải trả	3.119.543.709	-	-	3.119.543.709
	394.697.006.378	1.096.445.353.169	168.842.494.748	1.659.984.854.295
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	300.277.667.500	1.002.592.484.772	401.431.431.191	1.704.301.583.463
Phải trả người bán, phải trả khác	126.667.009.057	-	-	126.667.009.057
Chi phí phải trả	4.372.649.905	-	-	4.372.649.905
	431.317.326.462	1.002.592.484.772	401.431.431.191	1.835.341.242.425

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

Toàn bộ số tiền vay nhận được phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là Tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong kỳ phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là Tiền thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất điện năng, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong

tổng giá trị tài sản. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
Doanh thu bán hàng			
Công ty TNHH Mua bán điện Việt Nam	Cùng Tập đoàn	429.425.361.370	509.631.493.669
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	10.404.176.197	9.639.223.193

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Mua bán điện Việt Nam	Cùng Tập đoàn	26.817.401.635	24.160.356.066
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	1.625.219.858	934.576.354

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	1.460.219.627	1.311.943.987

Nội dung Báo cáo tài chính năm 2015 đã kiểm toán được đăng tải đầy đủ trên website của Công ty tại địa chỉ <http://vnpd.com.vn>.

- Nơi nhận: *Ư*
- UBCKNN; *Ư*
- TTLKCK; *Ư*
- Sở GD&ĐT HN;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Tổng giám đốc;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, P6.

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2016



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Tùng